

Số: 23/KH-THCS

Dương Quan, ngày 30 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Năm học 2024 - 2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1.1. Văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Thông tư số 32/2018-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (gọi tắt là *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*);

Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện KHGD nhà trường;

Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh THCS và THPT;

Công văn số 3935/BGDĐT-GDTrH ngày 30/7/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024 - 2025;

Quyết định số 2045/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường chuyên;

Các văn bản chỉ đạo khác có liên quan;

1.2. Văn bản chỉ đạo của UBND thành phố; Sở Giáo dục và Đào tạo

Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND thành phố ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng;

Công văn số 2474/SGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024 - 2025;

Các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, năm học 2024 - 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo;
Công văn số 06/SGDDĐT-TrH ngày 05/01/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Các văn bản chỉ đạo chuyên môn khác có liên quan;

1.3. Văn bản chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo:

Nghị quyết số 18-NQ/HU ngày 30/6/2023 của Huyện ủy Thủy Nguyên về phát triển giáo dục và đào tạo huyện Thủy Nguyên đến năm 2030, định hướng đến năm 2045;

Các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giáo dục THCS, năm học 2024 - 2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ tình hình thực tế, Trường THCS Dương Quan xây dựng Kế hoạch giáo dục, năm học 2024 - 2025 như sau:

2. BỐI CẢNH GIÁO DỤC CỦA QUỐC GIA, ĐỊA PHƯƠNG VÀ NHÀ TRƯỜNG

2.1. Bối cảnh bên ngoài:

2.1.1. Thời cơ.

Huyện Thủy Nguyên đang trong quá trình hoàn tất các khâu để chuyển đổi từ đơn vị hành chính huyện sang thành phố (theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP.Hải Phòng lần thứ 16, năm 2020 xác định hoàn thành trước năm 2025); xã Dương Quan với vị trí địa lý vô cùng thuận lợi, có tiềm năng lớn trong phát triển kinh tế, thương mại, dịch vụ sẽ tạo thuận lợi lớn cho nhà trường trong việc nâng cao dân trí, tạo nguồn lực lớn cho đầu tư CSVC và các nguồn lực phát triển khác cho nhà trường. Yêu cầu cấp thiết của việc “đổi mới căn bản, toàn diện” giáo dục đào tạo; cùng sự quan tâm của chính quyền địa phương, HĐND, UBND, PGD&ĐT huyện Thủy Nguyên sẽ tạo cơ hội cho nhà trường khẳng định mình, xây dựng và phát triển “*theo hướng chuẩn hóa hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế*”.

Nhu cầu học tập và sự quan tâm của người dân với giáo dục và đào tạo, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông làm thay đổi suy nghĩ của phần lớn cha mẹ học sinh, nhận thức về việc học tập của nhân dân ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường duy trì và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục.

2.1.2. Thách thức.

Nhà trường đứng trước những thách thức về cơ sở vật chất và đặc biệt là về chất lượng đội ngũ để đáp ứng được xu thế đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nhằm đạt được yêu cầu “*chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện, gồm: Giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học.*” Đội ngũ giáo viên nhà trường sẽ phải đối mặt với nguy cơ của sự đào thải nếu như không dũng cảm thừa nhận sự yếu kém và quan trọng nhất là không tự vận động để sống, làm việc bằng chính năng lực của mình, thay đổi bản thân để đáp ứng yêu cầu của giáo dục trong kỷ nguyên số hiện nay.

Đối với giáo viên nhà trường hiện nay vẫn còn có “*sức ỳ*” khá lớn, phần lớn giáo viên đã quen với nội dung, phương pháp giảng dạy, cách kiểm tra đánh giá, và kể cả với cơ chế làm việc “*cào bằng*” hiện nay. Trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo khi năm học 2024-2025 là năm học đầu tiên, bản lẻ khi thực hiện đồng bộ Chương trình GDPT 2018 của tất cả 04 khối lớp cấp THCS; chuyển đổi số trong giáo dục được Nhà nước đặc biệt quan tâm, giúp cho ngành giáo dục, các nhà trường, các thầy/cô được tiếp cận nhiều công nghệ giáo dục mới, hỗ trợ cho việc đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển năng lực được hiệu quả.

Năng lực CNTT để bắt kịp xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục, nhất là quá trình đổi mới công tác giảng dạy, kiểm tra đánh giá của một bộ phận giáo viên còn hạn chế đang đặt ra cho nhà trường thách thức không nhỏ về việc tự bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Sự bùng nổ của thông tin xấu độc trên internet chưa được kiểm soát tốt đang gây ra rất nhiều khó khăn cho nhà trường trong việc giáo dục đạo đức, lối sống, hành vi của học sinh.

Sự thiếu đồng bộ về hạ tầng CNTT (thiết bị, đường truyền...) do một bộ phận gia đình học sinh còn rất khó khăn sẽ ảnh hưởng lớn đến việc tạo ra sự công bằng trong việc học tập online của học sinh (*trong tình huống phải chuyển trạng thái dạy và học*) không dễ gì có thể khắc phục được trong thời gian ngắn.

Biên chế lao động theo khung danh mục vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập được giao thực hiện (*Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*) và các văn bản quy định có liên quan của UBND thành phố Hải Phòng còn thiếu, nhất là giáo viên,... là khó khăn không nhỏ để thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông.

Một số môn học và hoạt động giáo dục, nội dung giáo dục bắt buộc trong chương trình GDPT 2018 có sự thay đổi, trong khi chất lượng đội ngũ giáo viên giảng dạy chưa được chuẩn bị đầy đủ, cũng tạo ra nhiều khó khăn cho việc bố trí, sắp

xếp và phân công lao động, xếp thời khóa biểu dạy và học, nhất là đối với: *Môn học KHTN, Lịch sử và Địa li; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung Giáo dục địa phương...*

Nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục được nâng lên, sự quan tâm của nhân dân và PHHS đối với công tác giáo dục của nhà trường ngày càng lớn tạo niềm tin, động lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nỗ lực nhiều hơn.

2.2. Bối cảnh bên trong

Cơ sở vật chất của trường: Nhà trường có phòng học với trang thiết bị khá đồng bộ, hiện đại: máy tính, hệ thống camera, các phòng tin học, thực hành Vật lý, Hóa học, Sinh học (thuộc môn KHTN), hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, nước uống, Wifi đầy đủ...khuôn viên nhà trường luôn sạch đẹp, với không gian rộng, thoáng, nhiều cây xanh, bóng mát; có thể nói rằng, cơ sở vật chất nhà trường cơ bản đã được đầu tư, nâng cấp theo hướng chuẩn hóa nhằm phục vụ tốt nhất cho công tác dạy và học, đây là một trong những bước đi trước đón đầu để tiếp tục đổi mới công tác dạy và học.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường có **39** người.

- Giáo viên: **32** đồng chí (trong đó: Thạc sỹ 03, ĐH: 28; CĐ: 02, trong đó có 01 đang học đại học)

- Ban Giám hiệu: **02** đồng chí đều có trình độ thạc sỹ QLGD

- Tổ Văn phòng: **05** người (01 TBTH, 01 thư viện, 01 kế toán, 02 bảo vệ, lao công)

* Các tổ chức khác trong nhà trường:

- Chi bộ: 20 đảng viên (trong đó, nữ 17);

- Ban Chấp hành Công đoàn: 03 đồng chí (01 chủ tịch, 02 UV BCH)

- Chi đoàn: 06 đồng chí;

- Tổng phụ trách Đội: 01 đồng chí;

- 02 tổ chuyên môn, gồm Tổ KHTN và KHXH; 01 Văn phòng.

Quy mô số lớp, học sinh: **17 lớp; 672 học sinh**. Học sinh nhà trường cơ bản có phẩm chất đạo đức và sức khỏe tốt. Nhìn chung, các em ham hiểu biết, năng động, sáng tạo, thông minh có đời sống tinh thần phát triển rất phong phú.

Về mặt tâm lý, đây là lứa tuổi hình thành và phát triển mạnh mẽ những phẩm chất, nhân cách có ý nghĩa rất lớn đối với việc tự giáo dục, tự hoàn thiện bản thân theo hướng tích cực như khả năng tự đánh giá, lòng tự trọng, tự tin, tự ý thức.

Về mặt xã hội, các em có khát vọng được cống hiến, mong muốn được xã hội ghi nhận, muốn được khẳng định vai trò, vị trí của mình trong gia đình, trong tập thể, trong công việc, trong các mối quan hệ, có những phẩm chất chính trị, đạo đức cơ bản của thế hệ thanh niên được đào tạo trong hệ thống giáo dục phổ thông, nên các em có được ý thức và định hướng nghề nghiệp nhất định.

Về điều kiện và môi trường học tập, phần lớn học sinh xuất thân từ gia đình lao động. Tiềm lực kinh tế gia đình của một số học sinh tuy chưa khá giả, nhưng các gia đình đều đáp ứng những nhu cầu cơ bản, các chi phí cần thiết cho học tập và sinh hoạt, nên ý thức phấn đấu trong học tập cơ bản là tốt.

Bên cạnh đó, được học tập tại ngôi trường ở một địa phương giàu truyền thống, với hệ thống cơ sở vật chất khá khang trang, đồng bộ. Đội ngũ giáo viên cơ bản có trình độ chuyên môn tốt, nhiệt tình, yêu nghề, nên hầu hết học sinh của trường đều có nỗ lực học tập, có ý thức rèn luyện, chấp hành tốt nội quy của trường cũng như đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trong điều kiện của cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay, khi bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 không còn là câu chuyện của tương lai mà là câu chuyện của hiện tại đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới và ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực của xã hội, đã đặt ra yêu cầu mới đối với ngành giáo dục nói chung và trường THCS Dương Quan nói riêng. Bên cạnh những thành tích đạt được, nhà trường đứng trước nhiều thách thức, đặc biệt là về chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên nhằm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhà trường phải đổi mới với nguy cơ bị tụt hậu nếu không dũng cảm thừa nhận sự yếu kém, không tự vận động để làm việc và sáng tạo bằng chính năng lực của mình.

2.2.1. Điểm mạnh:

- Trường được thành lập năm 1966, những thành tích mà các thế hệ thầy và trò đạt được, đã được người dân xã Dương Quan nói riêng và nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố ghi nhận, điều đó góp phần tạo sức mạnh và thương hiệu của nhà trường trong quá trình đổi mới.

- Hội đồng sư phạm nhà trường gắn bó, đoàn kết, đồng thuận, sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ trong công việc và cuộc sống, nội bộ nhà trường ổn định. Chất lượng đội ngũ ổn định. Các tổ chức, đoàn thể năng động, đoàn kết, cùng phối hợp hiệu quả trong mọi hoạt động, tích cực ủng hộ mọi chủ trương, kế hoạch của nhà trường.

- Cơ sở vật chất: Nhà trường đã đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2008, đáp ứng cơ bản được các nhu cầu về CSVC cho công tác giáo dục toàn diện học sinh. CSVC được quản lí, khai thác và sử dụng khá hiệu quả. **Hiện nhà trường đang được thụ hưởng Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu, được cải tạo, sửa chữa và xây mới nhiều hạng mục công trình như: Phòng học, phòng thực hành, phòng hành chính, sân chơi, hệ thống tiêu thoát nước, hệ thống PCCC... để duy trì và đáp ứng tiêu chuẩn CSVC của trường chuẩn quốc gia mức độ 1.**

- Giảm tỉ lệ học sinh có học lực chưa đạt thực chất xuống dưới 05%; chất lượng công tác học sinh giỏi được quan tâm, đầu tư ưu tiên theo thế mạnh của nhà trường để từng bước nâng lên, nằm trong top cao của huyện. Chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường không ngừng được nâng lên, tỉ lệ học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT hệ Quốc lập hàng năm ổn định, đạt từ 70% trở lên/tổng số học sinh dự thi. Đẩy mạnh công tác tư vấn, **phân luồng phù hợp, hiệu quả** cho học lớp 9 sau tốt nghiệp THCS.

- Học sinh nhà trường sau khi đủ điều kiện để tốt nghiệp THCS cơ bản sẽ hình thành các phẩm chất và được rèn luyện để có thể vận dụng được các năng lực: Tự chủ và tự học; năng lực thể chất; năng lực thẩm mỹ; năng lực tin học; năng lực công nghệ; năng lực khoa học; năng lực toán học; năng lực ngôn ngữ; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực giao tiếp và hợp tác vào trong cuộc sống cũng như định hướng về nghề nghiệp, hướng đi của các em trong tương lai. Định hướng và gợi mở những năng lực vượt trội của học sinh để các em có sự tự tin, tiếp tục trau dồi, rèn luyện sau này để có cơ hội thành công trong tương lai.

- Phụ huynh học sinh tin tưởng sự lãnh đạo của nhà trường, tích cực ủng hộ các hoạt động của nhà trường

2.2.2. Điểm yếu:

- Trước sự thay đổi của giáo dục đào tạo đòi hỏi nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện “coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp”, yêu cầu về đội ngũ cán bộ giáo viên phải chuẩn hóa, có chất lượng cao để thực hiện được mục tiêu trên. Tuy nhiên, đội ngũ giáo viên nhà trường hiện vẫn chưa thể đáp ứng được đòi hỏi này, các tổ vẫn còn có giáo viên năng lực giảng dạy chưa tốt. Đội ngũ giáo viên nhà trường còn mất cân đối, chưa đồng bộ về cơ cấu. Kỹ năng sử dụng thiết bị dạy và học và ứng dụng CNTT của giáo viên còn chưa thực sự tốt và đồng đều, một bộ phận nhỏ giáo viên chưa nắm bắt kịp yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo.

- Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học tuy đã được tăng cường nhưng vẫn chưa đáp ứng được với yêu cầu mới đổi mới giáo dục hiện nay. Đồ dùng thực hành, thí nghiệm còn thiếu, chất lượng không cao. Nguồn kinh phí giao tự chủ không đủ đáp ứng, trong khi đó, việc thực hiện XHH về công tác này trong bối cảnh hiện nay là rất khó khăn.

- Điểm yếu của nhà trường còn nằm ở phía học sinh, thực tế cho thấy không chỉ riêng học sinh nhà trường mà học sinh của các trường trong thành phố, các em thường chỉ chú trọng việc học kiến thức để thi cử, việc trang bị về kỹ năng sống, kỹ năng thực hành, về ngoại ngữ và tin học còn rất hạn chế. Bên cạnh đó là sự ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thị trường đã và đang tác động hàng ngày đến các em. Điều này sẽ gây khó khăn lớn cho các nhà trường trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo yêu cầu của đổi mới giáo dục.

3. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG.

3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2024 - 2025

* Học sinh

Stt	Khối lớp	Sĩ số	Số học sinh	Diễn giải số học sinh các lớp				
				Lớp A1	Lớp A2	Lớp A3	Lớp A4	Lớp A5
1	Khối 6	174	04	45	44	44	42	0
3	Khối 7	196	05	40	40	36	40	39
3	Khối 8	152	04	40	38	38	39	0
4	Khối 9	150	04	39	38	33	38	0
	Cộng	672	17					

3.2. Bố trí phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng và công trình phụ trợ:

- Diện tích: 6.447.7 m²

- Có 04 dãy nhà: Nhà A (03 tầng), nhà B (02 tầng), nhà C (03 tầng), nhà D (03 tầng) với tổng số phòng: **45**

Phân chia công năng sử dụng như sau (từ học kỳ 2 năm học 2024 - 2025):

Stt	Khu nhà cao tầng	Tổng số phòng	Mục đích sử dụng			
			Phòng học	Phòng thực hành	Phòng chức năng (09)	Phòng làm việc (02)

1	Nhà A	13	05	02 (CN, Tin)	02: Tiếng Anh; phòng đọc thư viện.	04: Phòng Hiệu trưởng; Phó hiệu trưởng, P.tiếp dân và tư vấn HĐ, P.Tài vụ.
2	Nhà B	11	0	0	03: Phòng thiết bị, Thư viện ký ức (P.truyền thông nhà trường), Kho	08: Hội trường, Chi bộ, Công đoàn, Đoàn Đội, Y tế, P.Hội đồng GV, CNTT
3	Nhà C	09	0	03 (KHTN, KHXX)	05: Phòng học thông minh, P.Âm nhạc, P.Mỹ thuật, CLB Nghệ thuật, TDTT; CLB Stem.	01: P. KHTN và KHXX,
4	Nhà D	12	12			
Cộng		45	17	5	10	13

- Các phòng học, phòng bộ môn có đủ hệ thống bảng viết chống lóa, máy chiếu projector, máy vi tính, loa được kết nối internet. Các phòng chức năng có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Lắp đặt hệ thống camera giám sát các phòng học và phía cổng trường, tường bao giáp đường giao thông để tăng cường an ninh, an toàn trường học.

- Khu nhà vệ sinh của GV và HS sạch sẽ, đáp ứng cơ bản yêu cầu sử dụng.

- Hệ thống cây xanh thường xuyên được chăm sóc, tu bổ.

4. ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.

***Đối với học sinh lớp 6,7,8,9:** Thực hiện theo CTGDPT 2018, đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT về Quy chế đánh giá học sinh THCS và THPT.

5. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP.

*** Khối 6,7,8,9:**

5.1. Đặc điểm tình hình: Số lớp: **17**; số học sinh: **672** (tháng 8/2024)

5.2. Tình hình đội ngũ: Phân công phụ trách HĐTN-HN gồm: BGH, GVCN, GV bộ môn, Bí thư Chi đoàn, TPT Đội, giáo viên tư vấn tâm lý học đường. Một số hoạt động phối hợp với các tổ chức của chính quyền địa phương; các tổ chức, cá nhân trong xã hội, phụ huynh HS (*khi cần*);

5.3. Thiết bị giáo dục:

Stt	Thiết bị giáo dục	Số lượng	Các bài thực hành/ thí nghiệm	Ghi chú
1	Bộ tranh về nhóm nghề cơ bản	01/4-6HS		
2	Video về nhóm ngành, an toàn lao động nghề nghiệp, văn hóa ứng xử công cộng.	8 bộ/ GV		
3	Bộ dụng cụ vệ sinh trường học	05 bộ/ trường		
4	Bộ dụng cụ vệ sinh lớp học	02 bộ/ lớp		
5	Bộ dụng cụ chăm sóc cây	05 bộ/ trường		

5.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

Stt	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng đa năng	01	Tổ chức các HĐ cần không gian, thiết bị thông minh	Đăng ký trước thời gian
2	Sân chơi thể thao	01	Tổ chức các HĐ cần không gian rộng, ngoài trời	
3	Nhà đa chức năng	01	Tổ chức các câu lạc bộ TDTT: Câu lạc bộ hướng nghiệp; tổ chức các chủ đề của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp...	Có lịch hoạt động cụ thể cho từng nội dung

5.5. Kế hoạch giáo dục

- Tổng thời lượng thực hiện chương trình dành cho. HĐTĐN, HN là 03 tiết/ tuần tổng thời lượng 105 tiết/năm học.
- Thời lượng thực hiện các hoạt động được phân bổ theo 04 mạch nội dung hoạt động, theo tỷ lệ quy định như sau:

Stt	Nội dung hoạt động	Khối 6,7,8,9	Tổng số tiết
1	Hoạt động hướng vào bản thân	40%	42
2	Hoạt động hướng đến xã hội	25%	26

3	Hoạt động hướng tới tự nhiên	15%	16
4	Hoạt động hướng nghiệp	20%	21
	Tổng	100%	105

5.6. Thời lượng

Khối	Học kì	Số tuần	Số tiết/tuần	Số điểm		
				Đánh giá thường xuyên	Đánh giá giữa kỳ	Đánh giá cuối kỳ
Khối 6	I	18	54 tiết Gồm: SHDC, sinh hoạt lớp, GD theo chủ đề; KTĐG (có khung chương trình cụ thể)	2	1	1
	II	17	51 tiết Gồm: SHDC, sinh hoạt lớp, GD theo chủ đề; KTĐG (có khung chương trình cụ thể)	2	1	1
Khối 7	I	18	54 tiết Gồm: SHDC, sinh hoạt lớp, GD theo chủ đề; KTĐG (có khung chương trình cụ thể)	2	1	1
	II	17	51 tiết Gồm: SHDC, sinh hoạt lớp, GD theo chủ đề; KTĐG (có khung chương trình cụ thể)	2	1	1
Khối 8	I	18	54 tiết Gồm: SHDC, sinh hoạt lớp, GD theo chủ đề; KTĐG (có khung chương trình cụ thể)	2	1	1
	II	17	51 tiết Gồm: SHDC, sinh hoạt lớp, GD theo chủ đề; KTĐG (có khung chương trình cụ thể)	2	1	1
Khối 8	I	18	54 tiết	2	1	1

			Gồm: SHDC, sinh hoạt lớp, GD theo chủ đề; KTĐG (có khung chương trình cụ thể)			
	II	17	51 tiết Gồm: SHDC, sinh hoạt lớp, GD theo chủ đề; KTĐG (có khung chương trình cụ thể)	2	1	1

* **Ghi chú:** Từng khối lớp sẽ xây dựng Kế hoạch Giáo dục cụ thể cho Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (có phụ lục kèm theo).

*** Đối với hoạt động dạy học lồng ghép nội dung an toàn giao thông cho học sinh:**

Thực hiện nghiêm túc theo hướng dẫn tại Công văn số 76/KHPPH-CAHP-SGDĐT ngày 12/01/2023 về việc thực hiện Kế hoạch phối hợp thực hiện Chương trình phối hợp giữa Bộ Công an với Bộ Giáo dục và Đào tạo tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông trong các cơ sở giáo dục, giai đoạn 2022 - 2025, cụ thể như sau:

- Khối lớp 7,8, 9: 03 tiết/học kỳ; 06 tiết/năm học
- Khối lớp 6: 05 tiết/học kỳ; 10 tiết/năm học

Việc thực hiện nội dung lồng ghép này được xây dựng cụ thể vào KHGD, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho từng khối lớp để thực hiện trong năm học.

5.8. Đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa học kì 1		Trong tuần 9	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của các chủ đề đã học trong học kì	Sản phẩm hoạt động, hồ sơ học tập của HS Bảng kiểm và phiếu đánh giá theo tiêu chí

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Cuối học kì 1		Trong tuần 17	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề trong học kì 1	Sản phẩm hoạt động, hồ sơ học tập của HS Bảng kiểm và phiếu đánh giá theo tiêu chí
Giữa học kì 2		Trong tuần 26	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của các chủ đề trong học kì 56	Sản phẩm hoạt động, hồ sơ học tập của HS Bảng kiểm và phiếu đánh giá theo tiêu chí
Cuối Học kì 2		Trong tuần 34	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề trong học kì 2	Sản phẩm hoạt động của HS Bảng kiểm và phiếu đánh giá theo tiêu chí

Lưu ý: Căn cứ vào kế hoạch thời gian thực hiện chương trình, Ban Giám hiệu, Tổ nhóm CM, GV xây dựng Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, Kế hoạch dạy học và Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục (*tham khảo phụ lục I,II*) theo Công văn số 5512/BGDĐT- GDTrH, đánh giá kết quả Hoạt động TNHN bám sát vào Thông tư số 22/2021/TT- BGDĐT ngày 20/7/2021 (*căn cứ vào ma trận yêu cầu cần đạt và loại hình hoạt động chương trình*) nội dung hoạt động diễn ra bắt đầu bằng các hoạt động từ ở trên, được cụ thể hóa thành yêu cầu cần đạt, phù hợp với HS lớp 6,7,8,9 bám sát vào chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ngày của Bộ GDĐT) để thực hiện đúng quy định.

*Hoạt động trải nghiệm của học sinh khối 6, 7, 8, 9 được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như: Sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, tổ chức trò chơi, diễn đàn, tham quan, dã ngoại, các hội thi, hoạt động giao lưu, hoạt động nhân đạo, hoạt động tình nguyện, hoạt động cộng đồng, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, TDTT, tổ chức các ngày hội... theo khối lớp phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Quan điểm thực hiện: Tổ chức thực hiện linh hoạt theo lớp, theo khối, toàn trường (*được xây dựng cụ thể hoạt động vào biểu khung thực hiện chương trình của tất cả các khối lớp 6,7,8,9*).

- Tổ chức tốt cho việc học sinh trải nghiệm ngay trong nhà trường (*thông qua các buổi tuyên truyền về phòng chống*

đuổi nước, giáo dục giới tính, phòng chống tác hại thuốc lá, bạo lực học đường, trật tự an toàn giao thông....) và tại địa phương (tham quan, chăm sóc các di tích lịch sử, văn hóa của xã...). Học sinh có bài thu hoạch sau khi đi được trải nghiệm.

- Tổ chức dạy học theo chủ đề tích hợp, Stem: Đầu năm học, nhà trường chỉ đạo tổ nhóm chuyên môn xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp; giáo dục Stem, chỉ đạo việc dạy học phân hóa phù hợp với đối tượng học sinh.

8. ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG.

Thực hiện theo Công văn số 2269/SGDĐT-GDTrH ngày 24/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn thực hiện Nội dung giáo dục địa phương, từ năm học 2023 - 2024;

* **Đối với khối 6,7,8,9:** Nội dung Giáo dục địa phương là nội dung dạy học bắt buộc, được xếp vào thời khóa biểu chính khóa với thời lượng 35 tiết/năm học, trong đó:

+ 31 tiết dạy học các chủ đề

+ 04 tiết kiểm tra, đánh giá định kì.

- Danh sách GV phân công giảng dạy (có phụ lục đính kèm)

- Nhà trường phân công giáo viên dạy và thực hiện chương trình đúng theo quy định của Sở GD&ĐT, cụ thể:

* **Khối 6.**

Lĩnh vực	Tuần	Tiết	Chủ đề/ nội dung	GV bộ môn thực hiện giảng dạy	Hình thức tổ chức dạy học
Văn hóa, lịch sử truyền thống	1,2,3,4	04	Chủ đề 1: Vùng đất Hải Phòng từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X	GV môn Lịch sử	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	5,6,7,8	04	Chủ đề 2: Nữ tướng Lê Chân và Đức vương Ngô Quyền	GV môn Lịch sử	
	9	01	Kiểm tra giữa học kỳ I <i>Lưu ý:</i> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án; - Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút - Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu		

Lĩnh vực	Tuần	Tiết	Chủ đề/ nội dung	GV bộ môn thực hiện giảng dạy	Hình thức tổ chức dạy học
			<i>cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/GDTH- Sở GDĐT.</i>		
	10,11,12,13	04	Chủ đề 3: Truyện cổ dân gian Hải Phòng	GV môn Ngữ văn	
Địa lí, kinh tế, hướng nghiệp	14,15,16	03	Chủ đề 4: Bản đồ hành chính và các đơn vị hành chính thành phố Hải Phòng	GV môn Địa lí	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	17	01	Kiểm tra cuối học kỳ I <i>Lưu ý:</i> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án; - Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút - Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/GDTH- Sở GDĐT.		
	18,19,20,21	04	Chủ đề 5: Địa lí tự nhiên Hải Phòng	GV môn Địa lí	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	22,23,24,25.	04	Chủ đề 6: Biển đảo quê hương	GV môn Địa lí	
	26	01	Kiểm tra giữa học kỳ II <i>Lưu ý:</i> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án;		

Lĩnh vực	Tuần	Tiết	Chủ đề/ nội dung	GV bộ môn thực hiện giảng dạy	Hình thức tổ chức dạy học
			<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút - Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/GDTH- Sở GDĐT. 		
	27,28,29,30	04	Chủ đề 7: Nghề truyền thống ở Hải Phòng	GV môn GDCD hoặc Địa	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	31,32,33,34	04	Chủ đề 8: Truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ ở Hải Phòng.	GV môn GDCD	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
Chính trị- xã hội, môi trường	35	01	Kiểm tra cuối học kỳ II		
			<i>Lưu ý:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án; - Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút - Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/GDTH- Sở GDĐT. 		

*** Khối 7**

Lĩnh vực	Tuần	Tiết	Chủ đề/nội dung	GV bộ môn thực hiện giảng dạy	Hình thức tổ chức dạy học
Văn hóa, lịch sử truyền thống	1,2,3,4	04	Chủ đề 1: Vùng đất Hải Phòng từ năm 938 đến năm 1427.	Gv Lịch sử	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	5,6,7,8	04	Chủ đề 2: Vùng đất Hải Phòng thời Lê sơ, từ năm 1427 đến năm 1527.	GV môn Lịch sử	
	9	01	Kiểm tra giữa học kỳ I <i>Lưu ý:</i> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án; - Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút - Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/ GDTH- Sở GDĐT.		
	10,11,12, 13	04	Chủ đề 3: Tục ngữ, ca dao Hải Phòng	GV môn Ngữ văn	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
Chính trị- xã hội, môi trường	14,15,16, 17	04	Chủ đề 4: Bảo tồn di sản văn hóa Hải Phòng	GV môn GDCD hoặc Lịch sử.	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	18	01	Kiểm tra học học kỳ I <i>Lưu ý:</i> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án;		

			<p>- Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút</p> <p>- Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/ GDTH- Sở GDĐT.</p>		
Văn hóa, lịch sử truyền thống	19,20,21,22,	04	Chủ đề 5: Nghệ thuật Hát Đúm huyện Thủy Nguyên Hải Phòng	GV môn Âm nhạc	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	23,24,25	03	Chủ đề 6: Lễ hội Chọi trâu Đồ Sơn	GV Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	26	01	<p>Kiểm tra giữa học kỳ II</p> <p>Lưu ý:</p> <p>- Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án;</p> <p>- Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút</p> <p>- Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/ GDTH- Sở GDĐT.</p>		
Văn hóa, lịch sử truyền thống	27,28,29,30	04	Chủ đề 7: Đặc sản ẩm thực Hải Phòng	GV môn Ngữ văn, GDCD Người dạy: Theo bảng phân công của BGH	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
Địa lí, kinh tế, hướng nghiệp	31,32,33,34	04	Chủ đề 8: Du lịch Hải Phòng	GV môn Địa lí (có bảng phân công cụ thể)	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	35.	01	Kiểm tra cuối học kỳ II		

			<p><i>Lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án; - Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút - Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/ GDTH- Sở GDĐT. 	
--	--	--	---	--

*** Khối 8**

Lĩnh vực	Tuần	Tiết	Chủ đề/nội dung	GV bộ môn thực hiện giảng dạy	Hình thức tổ chức dạy học
Văn hóa, lịch sử truyền thống	1,2,3,4	04	Chủ đề 1: Vùng đất Hải Phòng từ năm 1827 đến năm 1802	GV môn Lịch sử (có bảng phân công của BGH)	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	5,6,7,8	04	Chủ đề 2: Vùng đất Hải Phòng từ năm 1802 đến năm 1888	GV môn Lịch sử (có bảng phân công của BGH)	
	9	01	Kiểm tra giữa học kỳ I <i>Lưu ý:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án; - Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút - Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/ GDTH- Sở GDĐT. 		
	10,11,12, 13	04	Chủ đề 3: Hải Phòng từ năm 1888 đến 1918	GV môn Lịch sử (có bảng phân công của BGH)	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
Chính trị- xã	14,15,16, 17	04	Chủ đề 4: Tìm hiểu về Ca trù	GV môn Âm nhạc (có bảng	Giáo viên xây

hội, môi trường			Đông Môn, Thủy Nguyên, Hải Phòng	<i>phân công của BGH</i>	dụng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	18	01	Kiểm tra học học kỳ I <i>Lưu ý:</i> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án; - Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút - Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/ GDTH- Sở GDĐT.		
Văn hóa, lịch sử truyền thống	19,20,21,22,	04	Chủ đề 5: Múa rối cạn Bảo Hà	GV môn N.văn, L.sử hoặc GDCD (<i>có bảng phân công của BGH</i>)	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	23,24,25	03	Chủ đề 6: Thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm	GV N.văn (<i>có bảng phân công của BGH</i>)	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	26	01	Kiểm tra giữa học kỳ II <i>Lưu ý:</i> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án; - Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút - Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/ GDTH- Sở GDĐT.		
Chính trị -xã	27,28,29,30	04	Chủ đề 7: Phòng chống đuối	GV môn GDCD hoặc Sinh	Giáo viên xây

hội, môi trường			nước cho HS Hải Phòng	học (có bảng phân công của BGH)	dụng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
Địa lí, kinh tế, hướng nghiệp	31,32,33,34	04	Chủ đề 8: Bảo vệ môi trường biển khu vực Hải Phòng	GV môn GDCD hoặc Sinh học (có bảng phân công của BGH)	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	35.	01	Kiểm tra cuối học kỳ II <i>Lưu ý:</i> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án; - Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút - Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/ GDTH- Sở GDĐT.		

*** Khối 9**

Lĩnh vực		Tuần	Tiết	Chủ đề/nội dung	GV bộ môn thực hiện giảng dạy	Hình thức tổ chức dạy học
Văn hóa, lịch sử truyền thống		1,2,3,4,5	05	Chủ đề 1: Hải Phòng từ năm 1919 đến năm 1945	Có bảng phân công GV cụ thể	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
		6,7,8,9,10	05	Chủ đề 2: Hải Phòng từ năm 1945 đến năm 1975	Có bảng phân công GV cụ thể	
				01	Kiểm tra giữa học kỳ I	

		11	<p><i>Lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án; - Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút - Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/ GDTH- Sở GDĐT. 		
	12,13,14,15,16	05	Chủ đề 3: Hải Phòng từ năm 1975 đến nay	Có bảng phân công GV cụ thể	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	17	01	Chủ đề 4: Nghệ thuật Chèo trên quê hương Hải Phòng	Có bảng phân công GV cụ thể	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
	18	01	<p>Kiểm tra học học kỳ I</p> <p><i>Lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án; - Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút - Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/ GDTH- Sở GDĐT. 		

				<i>GDDT.</i>		
Văn hóa, lịch sử truyền thống		19,20,21,22, 23,24,25	07	Chủ đề 4: Nghệ thuật Chèo trên quê hương Hải Phòng (<i>tiếp</i>)	Có bảng phân công GV cụ thể	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
		26	01	Kiểm tra giữa học kỳ II <i>Lưu ý:</i> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án; - Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút - Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/ GDTH- Sở GDDT.		
Chính trị - xã hội, môi trường		27,28,29,30 31,32,33,34	08	Chủ đề 5: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng tại Hải Phòng	Có bảng phân công GV cụ thể	Giáo viên xây dựng cụ thể trong Kế hoạch dạy học
		35.	01	Kiểm tra cuối học kỳ II <i>Lưu ý:</i> - Bài kiểm tra trên giấy hoặc máy tính, Sản phẩm học tập, bài thực hành, dự án, khuyến khích học sinh thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án; - Thời gian kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính 45 phút		

				- Bài kiểm tra đánh giá bằng nhận xét, thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của chủ đề, Thông tư 22; Công văn số 2756/ GDTH- Sở GDĐT.	
--	--	--	--	---	--

III. THỰC HIỆN NỘI DUNG DẠY HỌC LỒNG GHÉP GDQPAN.

- Tổ, nhóm chuyên môn căn cứ vào mục tiêu và nội dung cụ thể từng bài học có trong chương trình để lựa chọn nội dung lồng ghép phù hợp, đảm bảo cho học sinh hình thành hiểu biết ban đầu về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, về lực lượng vũ trang nhân dân; có ý thức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, yêu tổ quốc, yêu đồng bào.

- *Đối với lớp 6,7,8,9:* Thực hiện lồng ghép thông qua nội dung các bài trong môn học: Ngữ văn, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí, Nghệ thuật (*nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật*), Nội dung giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Xây dựng Chương trình nhà trường lồng ghép nội dung GDQPAN thông qua các môn học trong chương trình, căn cứ vào Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/05/2024 của Bộ GDĐT hướng dẫn công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong trường tiểu học và THCS; Công văn số 3935/BGDĐT-GDTrH ngày 30/7/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025 (*linh hoạt, phù hợp theo thực tiễn của nhà trường*).

(Có phụ lục chương trình đính kèm)

IV. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

- Đổi mới công tác quản lý; xây dựng, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên; lấy đổi mới căn bản phương pháp dạy và học theo hướng tích cực, phát triển năng lực cá nhân và phẩm chất người học làm cốt lõi. Xây dựng trường THCS Dương Quan trở thành trường học hạnh phúc, từng bước vươn lên trở thành trường học đổi mới, sáng tạo.

- Tiếp tục chấn chỉnh, kiện toàn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, hoạt động dạy học của giáo viên. Nêu cao ý thức tự học, tự rèn để hoàn thiện năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy - học; đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh với mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của người học; tổ chức các hoạt động, mô hình giáo dục sáng tạo, đẩy mạnh hoạt động học sinh nghiên cứu khoa học, giáo dục STEM và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường. **Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng chất lượng công tác HSG và chất lượng thi vào lớp 10 THPT.** Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở phù hợp với thực tiễn.

- Quan tâm đúng mức và tạo sự chuyển biến rõ nét trong hoạt động giáo dục đạo đức, hạnh kiểm, kỹ năng, ý thức tự rèn luyện của học sinh, làm cho hoạt động giáo dục tiếp tục chuyển biến theo hướng dạy thật - học thật, vươn tới mục tiêu dạy tốt - học tốt.

- Tăng cường nề nếp, kỷ cương, dân chủ trong nhà trường; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; phòng, chống bạo lực học đường; quan tâm giáo dục phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, thực hiện hiệu quả dạy học phân hóa.

- Tiếp tục chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch, chương trình nhà trường.

- Đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong các nhà trường; đẩy mạnh các hoạt động chuyển đổi số trong giáo dục, sử dụng 100% hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo.

- Tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường theo hướng đồng bộ, hoàn chỉnh, hiện đại, đáp ứng nhu cầu dạy và học nhằm từng bước nâng cao giá trị, thương hiệu, uy tín của nhà trường.

- Thực hiện công khai trong nhà trường: **Theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT Quy định về công khai hoạt động trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (có hiệu lực thi hành từ ngày 19/7/2024, thay thế Thông tư số 36).** Trong đó, tập trung vào việc: **Xây dựng báo cáo công khai thường niên mỗi năm học**, chủ yếu thực hiện công khai đội ngũ, công khai tài chính, công khai CSVC và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, công khai chất

lượng giáo dục. Bên cạnh đó, công khai các khoản đóng góp của cha mẹ học sinh, các khoản tài trợ cho giáo dục, công khai công tác TĐKT, kỷ luật và các nội dung khác theo quy định.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, bộ phận thủ quỹ, kế toán trực tiếp tổng hợp, theo dõi. Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm hỗ trợ, hướng dẫn học sinh và phụ huynh học sinh về việc nộp kinh phí học tập trực tiếp vào tài khoản trường qua việc cài ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt theo chỉ đạo của huyện; Kiểm tra, đánh giá năng lực giáo viên;

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông về công tác giáo dục của nhà trường.

- Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với giáo viên và học sinh theo quy định.

- Đổi mới nội dung, hình thức bồi dưỡng giáo viên theo hướng thiết thực, hiệu quả, chất lượng, đảm bảo đúng tiến độ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Tăng cường chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả các kỳ thi, hội thi theo kế hoạch triển khai của ngành Giáo dục và các cuộc thi quan trọng khác theo điều kiện thực tế của nhà trường.

2. Mục tiêu cụ thể

- Ổn định và nâng cao chất lượng giáo dục khi đồng bộ thực hiện Chương trình GDPT 2018 trên tinh thần đổi mới toàn diện từ tư duy đến hành động, từ quản lý đến đội ngũ giáo viên, nhân viên. Đảm bảo ổn định và nâng cao hiệu quả giáo dục đối với học sinh lớp 9.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp, theo Luật Viên chức; các cuộc vận động và tiêu chí thi đua của nhà trường. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp được nâng lên.

- Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà.

2.1. Đối với học sinh lớp 6,7,8,9: Thực hiện theo CT GDPT 2018, đánh giá, xếp loại học sinh theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT về Quy chế đánh giá học sinh THCS và THPT.

2.2. Chất lượng giáo dục học sinh đại trà.

- *Chỉ tiêu đối với các lớp 6,7,8,9*

+ **Hạnh kiểm: Tốt: 90%; Khá: 10%; Đạt: 00%** (*không có học sinh được đánh giá chưa đạt*)

+ **Học lực: Tốt: 25.6%; Khá: 40.0%; Đạt: 34.0%; Chưa đạt: 0.4%**

- 100% học sinh hoàn thành chương trình giáo dục cấp THCS;

- Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT (*gồm cả công lập và ngoài công lập*) đạt trên 95%, học nghề đạt trên dưới 05%.

- Điểm trung bình các bài thi vào lớp 10 THPT công lập đạt chỉ tiêu của huyện giao.

- Đảm bảo 100% học sinh trong độ tuổi ra lớp, không có học sinh bỏ học giữa chừng. Phần đầu không có HS bỏ học.

Tỉ lệ huy động đạt 98% trở lên; tỉ lệ hiệu quả đạt 95% trở lên, PCGD trung học cơ sở đạt mức 3.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: Tổ chức được tối thiểu 02 hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bên ngoài nhà trường/năm học **theo kế hoạch giáo dục đã được phê duyệt. Phần đầu có từ trên 85% học sinh tham gia và đạt kết quả khá, tốt (học sinh khối 8,9 tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tập trung trong học kỳ 1; khối 6,7 hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong học kỳ 2).**

Các em học sinh không tham gia hoạt động TNHN bên ngoài nhà trường sẽ được thực hiện hoạt động tại trường phù hợp và có báo cáo thu hoạch kết quả hoạt động. Phối hợp với Công ty Giáo dục và Du lịch Nguyễn Kim (*được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đồng ý cho triển khai, sự ủng hộ, đồng thuận của phụ huynh học sinh*) để hỗ trợ nhà trường trong việc tổ chức đưa đón học sinh, bố trí không gian, địa điểm và nghỉ ngơi cho học sinh trong buổi học tập, trải nghiệm, hướng nghiệp.

Trong năm học 2024 - 2025, ưu tiên thực hiện hoạt động Trải nghiệm học đường gắn với 19 địa danh (trên địa bàn thành phố Hải Phòng) đã được Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Du lịch... phối hợp triển khai, tổ chức để giáo dục tình yêu cho học sinh với văn hóa, lịch sử, tiềm năng phát triển của thành phố Hải Phòng, gắn với các lĩnh vực:

+ Lĩnh vực văn hóa, lịch sử: *Bảo tàng Hải Phòng, Bảo tàng Hải quân, Bảo tàng Quân khu 3, Khu di tích Bạch Đằng Giang, Bãi cọc Cao Quỳ, Đền thờ Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm, Khu tưởng niệm Vương triều nhà Mạc, Bến tàu không số (K.15), Bến Nghênh.*

+ Lĩnh vực trải nghiệm môi trường: *KCN Nam Cầu Kiền, Vườn QG Cát Bà, Đoàn An điều dưỡng 295 Đồ Sơn, KDL Hòn Dấu, Cơ sở cai nghiện Gia Minh.*

+ Lĩnh vực hướng nghiệp: Trường ĐH Hải Phòng, Trường ĐH Hàng Hải, Trường ĐH Y Dược Hải Phòng, Trường CĐ du lịch Hải Phòng, Trường CĐ/GTVT TW II

- Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT (*gồm cả công lập và ngoài công lập*) đạt trên 95%, học nghề đạt trên dưới 05%.

5. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém.

- Tham gia các cuộc thi do ngành Giáo dục hoặc có sự phối hợp với ngành khác tổ chức.

- Khuyến khích GV tổ chức cho HS tham gia các cuộc thi năng khiếu, các hoạt động giao lưu, hoạt động trải nghiệm, phát huy được sự chủ động và sáng tạo của HS; góp phần phát triển năng lực HS trên cơ sở tự nguyện của phụ huynh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nội dung học tập của HS trung học cơ sở.

- Tăng số lượng và chất lượng giải HSG các cấp; HSG qua các cuộc thi năng khiếu khác.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém chi tiết và phân công đội ngũ GV giảng dạy có kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi cũng như phụ đạo học sinh yếu thực hiện **(có phụ lục phân công GV bồi dưỡng đính kèm)**.

6. Công tác kiểm tra nội bộ.

- Xây dựng Kế hoạch kiểm tra nội bộ theo quy định. Phân công chuyên môn theo đúng qui trình, có sự thống nhất, công khai trong toàn trường, phù hợp với số lượng, năng lực và chuyên môn được đào tạo của giáo viên, nhân viên.

- Kiện toàn Ban kiểm tra nội bộ (*Theo hướng dẫn của Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 2000*), kết hợp với Ban thanh tra Nhân dân kiểm tra các chuyên đề phù hợp. BGH cùng các tổ trưởng, nhóm trưởng kiểm tra HĐSP

của GV và các HĐ chuyên môn khác. Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội kiểm tra các hoạt động thực hiện hưởng ứng các phong trào thi đua, các cuộc vận động.

- 100% GV được kiểm tra nghiệp vụ sư phạm và đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên; Các tổ, nhóm công tác được kiểm tra theo chuyên đề ít nhất 01 lần/năm. Hồ sơ kiểm tra đảm bảo chất lượng.

- 100% giáo viên được đánh giá chất lượng giảng dạy theo kế hoạch của trường. Không xét thi đua đối với các nhân viên phạm quy chế chuyên môn, các quy định khác của pháp luật, trong đó có pháp luật về dân số.

7. Công giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS cuối cấp, tập trung đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp, hướng học cho học sinh lớp 9.

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học gắn liền với giáo dục hướng nghiệp. Nâng cao nhận thức về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông, định hướng cho học sinh lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu phát triển: 100% học sinh lớp 9 và PHHS được thông tin về nhu cầu và định hướng học tập sau khi tốt nghiệp THCS, cơ hội việc làm, thu nhập và yêu cầu về trình độ kỹ năng để giúp học sinh chọn lựa nghề trong tương lai.

8. Công tác dạy và học ngoại ngữ

- Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo; phát động HS tham gia các cuộc thi: Thi học sinh giỏi môn Tiếng Anh; thi Olympic tiếng Anh qua mạng... Tổ chức Festival ngoại ngữ cấp trường.

- Tăng cường CSVC cho học môn Ngoại ngữ. Chú trọng rèn 04 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh.

- Tổ chức khảo sát năng lực tiếng Anh cho học sinh khối lớp 6.

9. Dạy học theo chủ đề, dạy học Stem

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2271/SGD-ĐT-GDTrH ngày 24/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục Stem trong nhà trường THCS và THPT năm học 2023-2024.

(có phụ lục đính kèm: Thống kê các chủ đề thực hiện trong năm học)

10. Công tác viết sáng kiến, đổi mới giảng dạy và kiểm tra, đánh giá.

*** Phân công giáo viên giảng dạy (có phụ lục đính kèm)**

- 100% tổ, nhóm chuyên môn, giáo viên thực hiện nghiêm túc về việc kiểm tra, đánh giá học sinh.
- 100% GV dạy đủ, đúng chương trình, đánh giá kết quả của học sinh khách quan chính xác, không có biểu hiện tiêu cực, bệnh thành tích.
- 100% CBGV tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và trong đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh, từng bước triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá đạt chất lượng, hiệu quả.
- Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra theo đúng cấu trúc, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng, phân loại học sinh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực. Đảm bảo 100% học sinh được kiểm tra, đánh giá bằng đề chung vào giữa kỳ và cuối kỳ. Đặc biệt, xây dựng ngân hàng đề, và tùy vào tình hình thực tế có thể khảo sát chất lượng môn Ngữ văn, Toán học, Tiếng Anh vào đầu năm học, cuối kỳ I, cuối kỳ II. Kết quả khảo sát chất lượng được công khai kịp thời để cán bộ, giáo viên nắm bắt được chất lượng công tác dạy và học để có điều chỉnh kịp thời.
- Học sinh được phân nhóm theo năng lực để giáo viên bồi dưỡng có hiệu quả. Đặc biệt là bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém. Các câu lạc bộ văn hoá, TDTT, năng khiếu được bồi dưỡng theo quy định.
- 100% cán bộ, giáo viên đăng ký danh hiệu thi đua. Từ 15 đến 30% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên viết sáng kiến được Hội đồng khoa học của trường xếp loại Khá trở lên.
- Tiếp tục thực hiện việc đầu tư mua sắm thiết bị dạy học, mua bổ sung, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị dạy học ngoại ngữ, đáp ứng nhu cầu dạy - học và các hoạt động giáo dục khác. Phân đấu duy trì trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 3 và chuẩn quốc gia mức độ 1.

11. Công tác phổ cập giáo dục

- Nhà trường coi trọng việc huy động, duy trì tốt sĩ số. Nâng cao và sử dụng có hiệu quả CNTT vào công tác PCGD. Quản lý công tác PCGD bằng phần mềm, quản lý dữ liệu PCGD một cách chính xác, duy trì chất lượng phổ cập giáo dục.

- Phân đầu không có HS bỏ học. Tỷ lệ huy động đạt trên 99% trở lên; tỷ lệ hiệu quả đạt 90% trở lên, phổ cập trung học cơ sở đạt mức 3.

*** Phân công giáo viên phụ trách (có phụ lục đính kèm)**

12. Công tác chuyển đổi số, ứng dụng CNTT, thống kê, báo cáo.

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số vào quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục như: Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học ở tất cả các môn học, hoạt động giáo dục, nội dung giáo dục. Sử dụng các phần mềm quản lý các bộ phận chuyên môn như: *Điểm kiểm tra, kết quả học tập của HS, thư viện, tài chính, PCGD, quản lý cán bộ, GV, liên lạc với PHHS thông qua các nền tảng công nghệ...* HS tích cực tham gia thi giải Toán mạng, thi Olympic tiếng Anh qua mạng.

- Thực hiện hiệu quả hơn nữa việc khai thác, sử dụng chữ ký số trong ký duyệt học bạ và sổ điểm điện tử; tăng cường tính bảo mật thông tin trong việc cập nhật, sửa chữa dữ liệu trên hệ thống CSDL ngành theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo cũng như quy định của nhà trường.

- Khuyến khích 100% GV chủ động tự học, tự bồi dưỡng để sử dụng máy vi tính thành thạo, máy chiếu, phần mềm dạy học có hiệu quả, không lạm dụng, không hình thức; sử dụng tối đa thiết bị điện tử đã được trang bị tại các phòng học đáp ứng yêu cầu chung của ngành.

- Thường xuyên công khai các nội dung và kết quả hoạt động lên Cổng TTĐT của trường theo quy định.

- Tích cực sử dụng có hiệu quả chế độ thông tin báo cáo, trao đổi công tác quản lý qua mạng Internet, email điện tử. Báo cáo đúng hạn, đảm bảo chất lượng; thực hiện hiệu quả hơn nữa công tác thu chi tài chính theo phương thức không dùng tiền mặt.

- Quán triệt vai trò, trách nhiệm, kỷ luật phát ngôn của cán bộ, giáo viên, nhân viên học sinh nhà trường.

Các chỉ tiêu thi đua cơ bản:

13. Tập thể

- Chi bộ Đảng trong sạch, vững mạnh. Kết nạp từ 01- 02 đảng viên mới.

- Nhà trường đăng ký danh hiệu thi đua: **Tập thể Lao động tiên tiến**
- Công đoàn vững mạnh.
- Chi đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Liên Đội hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

14. Cá nhân

- Lao động tiên tiến: 20 người trở lên
- UBND huyện tặng giấy khen: 01 người
- Chiến sỹ thi đua cơ sở: Từ 03 - 04 người
- Giáo viên dạy giỏi cấp huyện: Đăng ký dự thi từ 05 - 06 giáo viên dạy giỏi; cấp thành phố: 01 (bảo lưu)
- Giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp huyện: 01 người (bảo lưu).

15. Tổ chức Hội thảo, chuyên đề chuyên môn cấp huyện, thành phố.

- Tổ chức Hội thảo nâng cao chất lượng thi vào lớp 10 THPT theo cấu trúc đề thi và môn thi mới

- + Thời gian dự kiến: Tháng 1,2/2025 (Có phụ lục đính kèm).
- + Thành phần: BGH, GVCN lớp 9, GV dạy các môn lớp 9, đại diện PHHS lớp 9, học sinh lớp 9.

- Tổ chức chuyên đề.

- Đăng ký thực hiện **01 chuyên đề cấp huyện** (thực hiện Kế hoạch giáo dục theo quy định tại phụ lục 02 của Công văn 5512). Tổ chức và tham gia chuyên đề cấp trường, huyện phù hợp với điều kiện thực tế. Có trách nhiệm chuẩn bị tốt nội dung và điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức chuyên đề hiệu quả. Dự kiến tổ chức theo cụm chuyên môn trong khoảng thời gian tháng 02/2025.

- Khi có lịch dự giờ sinh hoạt chuyên đề các cấp yêu cầu, giáo viên, nhóm chuyên môn chủ động nghiên cứu chủ đề/bài dạy, đề xuất các vấn đề nội dung cần tháo gỡ trong quá trình giảng dạy và thực hiện chương trình để tham gia ý kiến trực tiếp trong buổi sinh hoạt chuyên môn.

- Các tiết minh họa chuyên đề sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực như "Bàn tay nặn bột", "Bản đồ tư duy"; dạy học theo chủ đề Stem, tích hợp, liên môn trong giảng dạy...

- Lịch tham gia sinh hoạt chuyên đề cụ thể theo Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn và tổ chức hội thảo, chuyên đề chuyên môn năm học 2024-2025 của trường.

- Phân công chuẩn bị lên lớp dạy minh họa chuyên đề các cấp tổ chức tại trường.

(Có lịch sinh hoạt chuyên đề các cấp cụ thể của năm học đính kèm kế hoạch này)

III. NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Hoạt động (chương trình) chính khóa.

Thực hiện Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT về Quy định đánh giá học sinh THCS và THPT;

Thực hiện Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Căn cứ tình hình thực tế, trường THCS Dương Quan xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Giáo dục nhà trường, Kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục, nội dung giáo dục các bộ môn lớp 6,7,8,9 Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; *ban hành Quyết định số 15/QĐ-THCS ngày 28/8/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2024-2025. Cụ thể cho từng môn học (có phụ lục đính kèm).*

Thực hiện phân công giáo viên chủ trì nhập điểm và ký hồ sơ điện tử (học bạ, sổ điểm điện tử) với các môn học và hoạt động giáo dục có từ 02 giáo viên tham gia giảng dạy trở lên làm cơ sở cho việc kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao của giáo viên.

1.1. Đối với khối lớp 6 - Học kỳ I

MÔN/TUẦN		Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/ môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDGD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	27
	Địa lý	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	27
Khoa học tự nhiên	Hóa	0	0	0	0	4	4	4	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	24
	Lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16
	Sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	4	4	4	4	4	4	4	32
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ Thuật	ÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTNHN	SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	CD	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	0	2	1	31
	SHDC	1					1				1				1				1	5
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		30	29	29	29	29	30	29	29	29	30	29	29	27	30	29	27	29	29	522

1.2. Đối với khối lớp 6 - Học kỳ II

MÔN/TUẦN		Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	25
	Địa lý	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	26
Khoa học tự nhiên	Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Lý	0	0	0	0	0	0	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	44
	Sinh	4	4	4	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTNHN	SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	CD	2	0	2	6	0	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	30
	SHDC		1				1					1						1	4
GDBP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		29	28	29	33	27	29	28	29	29	29	30	29	29	29	29	29	28	493

1.3. Đối với khối lớp 7 - Học kỳ I

MÔN/TUẦN	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/ môn	
Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	
Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	
Tiếng Anh	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	
GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	27
	Địa lý	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	27
Khoa học tự nhiên	Hóa	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	36
	Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	4	4	4	4	4	4	4	4	36
	Sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN HN	SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	CD	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	2	2	2	1	31
	SHD C	1									1				1				1	5
GDDP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18

Tổng số tiết bắt buộc/ tuần	30	29	29	29	29	30	29	29	29	30	29	29	27	28	29	29	29	29	522
------------------------------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	------------

1.4. Đối với khối lớp 7 - Học kỳ II

MÔN/TUẦN		Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	26
	Địa lý	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	25
Khoa học tự nhiên	Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Lý	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8
	Sinh	0	0	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	60
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTNHN	SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	CD	2	0	0	6	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	30

	SHDC			1				1				1					1	4	
GDDP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		29	27	28	33	27	29	30	29	29	29	30	29	29	29	29	29	28	493

1.5. Đối với khối lớp 8 - Học kỳ I

MÔN/TUẦN		Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/ môn	
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72	
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	27	
	Địa lý	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	27	
Khoa học tự nhiên	Hóa	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	0	0	0	0	48	
	Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	4	4	4	4	4	24	
	Sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36	
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	

	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN HN	SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	CD	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	0	0	0	0	2	6	31	
	SHD C	1					1				1				1			1	5	
GDDP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		30	29	29	29	29	30	29	29	29	30	29	28	27	28	27	27	29	34	522

1.6. Đối với khối lớp 8 - Học kỳ II

MÔN/TUẦN		Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/môn	
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	26
	Địa lý	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	25
Khoa học tự nhiên	Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Lý	4	4	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20
	Sinh	0	0	0	0	0	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	48
Công nghệ		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17

GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTNHN	SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	CD	2	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	30
	SHDC		1				1					1					1	4	
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		30	29	30	30	30	31	30	30	30	30	31	30	30	30	30	30	29	510

1.7. Đối với khối lớp 9 - Học kỳ I

MÔN/TUẦN	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5	Tuần 6	Tuần 7	Tuần 8	Tuần 9	Tuần 10	Tuần 11	Tuần 12	Tuần 13	Tuần 14	Tuần 15	Tuần 16	Tuần 17	Tuần 18	Tổng thời lượng/ môn	
Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	4	4	4	4	4	4	4	74	
Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	4	4	4	4	4	4	4	74	
Tiếng Anh	3	3	3	3	3	3	3	3	5	3	3	3	3	3	3	3	3	3	56	
GDCD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	19	
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	3	1	28
	Địa lý	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	2	2	28
Khoa học tự nhiên	Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	4	4	4	4	4	4	28	
	Lý	4	4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	0	0	0	0	0	0	46	

	Sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	37
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	19
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	37
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	19
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	19
HĐTN HN	SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	CD	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	0	0	2	6	32
	SHD C	1				1			1										1	4
GDDP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		31	30	30	30	31	30	30	31	38	30	30	30	28	28	28	28	38	35	556

1.8. Đối với khối lớp 9 - Học kỳ II

MÔN/TUẦN		Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tổng thời lượng/môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	4	4	4	4	4	4	0	66
Toán		4	4	4	4	4	4	4	6	4	4	4	4	4	4	4	4	0	66
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	5	3	3	3	3	3	3	3	2	0	49
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	0	0	16
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	3	0	0	24
	Địa lý	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	2	2	0	25

Khoa học tự nhiên	Hóa	4	4	4	4	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	28
	Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sinh	0	0	0	0	0	0	0	6	4	4	4	4	4	4	4	4	0	38
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	15
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	0	0	16
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	0	33
Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	0	0	16
	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	0	0	16
HDTN HN	SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	CD	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	0	1	29
	SHDC		1			1					1		1					1	5
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		29	30	29	29	30	29	29	37	29	30	29	30	29	27	36	20	4	476

2. Hoạt động ngoại khoá, công tác Đội, phong trào thiếu nhi và công tác an ninh, an toàn trường học, chấp hành tốt Luật Trật tự, ATGT đường bộ (Luật số 36/2024/QH15 ngày 27/6/2024).

- 100% học sinh thực hiện tốt các nội quy trường lớp, không mắc vào tệ nạn xã hội.
- 100% học sinh tham gia các chuyên đề, hoạt động lễ hội, các hoạt động khám phá, trải nghiệm, rèn kỹ năng sống do trường tổ chức. Tự tin trong giao tiếp, phòng ngừa các tai nạn rủi ro, phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích, biết bảo vệ, tự vệ với các tiêu cực ở ngoài xã hội.
- 20% học sinh tham gia các CLB năng khiếu, sở thích.

- 100% học sinh tham gia chăm sóc di tích lịch sử ở địa phương.
- Triển khai các sân chơi nhỏ, sáng tạo; tổ chức chuyên đề cấp huyện, thành phố.
- Tăng cường công tác đảm bảo an toàn, an ninh trường học.
- CBGVNV và học sinh chấp hành tốt quy định của Luật Trật tự, ATGT đường bộ *(đối với CBGVNV không vi phạm; đối với học sinh phần đầu không quá 04 học sinh vi phạm về điều khiển phương tiện xe máy, xe máy điện/năm học).*

2.1. Tổ chức hoạt động câu lạc bộ:

a) Mục đích và ý nghĩa.

- Tạo sân chơi cho HS phát huy năng khiếu, sở trường, đam mê hứng thú trong lĩnh vực nào đó và đặc biệt góp phần giáo dục hướng nghiệp tương lai. Hoạt động câu lạc bộ giúp HS thỏa mãn nhu cầu phát triển cá nhân, nhu cầu giao tiếp, làm việc thiện nguyện... góp phần vào việc đạt được các mục tiêu giáo dục của HĐTN-HN một cách trọn vẹn hơn, đầy đủ hơn.

b) Đặc điểm.

- Là hoạt động không bắt buộc.
- Nội dung mang tính mở và linh hoạt, xuất phát từ nhu cầu và điều kiện thực hiện của nhà trường.
- Đối tượng tham gia mở, không chỉ giới hạn GV và HS trong trường mà có thể có sự tham gia của tất cả những người có cùng sở thích, đam mê, ý chí đến từ cộng đồng.

- Thành tích tham gia hoạt động CLB sẽ ghi nhận, tuyên dương như thành tích cá nhân.

- Thành lập các câu lạc bộ sở thích.

c) Thời gian và qui mô hoạt động.

CLB hoạt động vào thời gian NGLL

Qui mô hoạt động: Có thể cấp lớp, cấp trường, cấp cụm...

d) Nội dung hoạt động câu lạc bộ.

- CLB Nghệ thuật - TDTT, CLB Stem...

e) Nguyên tắc tổ chức CLB.

- Không phân biệt đối xử;
- Đảm bảo sự công bằng;
- Phát huy tính sáng tạo;
- Đảm bảo quyền cho HS và HS là chủ thể quyết định mọi vấn đề của CLB.

F) Tổ chức hoạt động.

- Khi CLB được hình thành, yêu cầu:
- Bầu Chủ nhiệm CLB và thành lập danh sách các thành viên tham gia.
- Xây dựng qui định hoạt động của CLB, theo hướng mỗi tháng tổ chức cho học sinh sinh hoạt 01 lần.
- Xây dựng nội dung, kế hoạch và lịch sinh hoạt của CLB đều đặn để tạo nề nếp hoạt động.
- Phân công GV chủ nhiệm, chủ nhiệm CLB, TPT, GV bộ môn có liên quan đến nội dung sẽ tập hợp ý kiến từ các thành viên và xây dựng nội dung cho từng buổi sinh hoạt.
- Thực hiện nội dung sinh hoạt các CLB (khi được thành lập) theo lịch cụ thể.

2.1. Tổ chức các chuyên đề chuyên môn môn học và các Hoạt động giáo dục

2.1.1. Tổ KHTN

Học kỳ	Nhóm	Nội dung Tên chuyên đề /bài học	Khối	Thời gian tổ chức thực hiện	Giáo viên thực hiện	Ghi chú
	TOÁN	Ứng dụng thực tế của tam giác cân	Khối 7	Tuần 12,13,14 Tháng 11,12	Nguyễn Thị Hà	Bài học STEM

I		Bài 8. Khai căn bậc hai với phép nhân và phép chia	Khối 9	Tuần 12 Tháng 11	Trần Thị Hải Chi	NCBH
	GDTC	Kỹ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng	Khối 6	Tuần 7 Tháng 10	Nguyễn Thị Thuý	NCBH
	KHTN	Tách chất ra khỏi hỗn hợp. Lọc nước bằng than hoạt tính.	Khối 6	Tuần 10 Tháng 11	Nguyễn Thị Huệ	Bài học STEM
		Phản xạ âm.	Khối 7	Tuần 14,15 Tháng 12	Nguyễn Thị Thương	Bài học STEM
II	TOÁN	Vận dụng kiến thức trung điểm đoạn thẳng thiết kế cầu bập bênh	Khối 6	Tuần 26,27,28 Tháng 3	Nguyễn Văn Vũ	Bài học STEM
		Bài 23: phép cộng và phép trừ phân thức đại số	Khối 8	Tuần 23 Tháng 2	Đỗ Thị Sữ	NCBH
	KHTN	Vai trò của TV trong đời sống và tự nhiên.	Khối 6	Tuần 19 Tháng 1/2025	Đỗ Thị Lan	Bài học SEM
	CN	Thiết kế giá đọc sách	Khối 8	Tuần 34,35 Tháng 5	Nguyễn Thị Hương Giang	Chủ đề STEM

2.1.2. Tổ KHXH

Stt	Học kì	Môn	Nội dung Tên chuyên đề/bài học	Khối	Thời gian tổ chức thực hiện	Thời gian tổ chức thực hiện	Người thực hiện
1		Ngữ Văn	Tiết: 91,92: Mùa xuân (Phát huy phẩm chất, năng lực người học)	9	Tuần 4/ tháng 2/2025	Tuần 4/ tháng 2/2025	Phạm Thị Phương

	I						
2		Tiếng Anh	Unit 3: Lesson 5 (Hướng dẫn HS lớp 6 phương pháp học tập môn Tiếng Anh)	6	Tuần 4/ tháng 10 năm 2024	Tuần 4/ tháng 10 năm 2024	Nguyễn Thị Hương
3		LS-ĐL (phần ĐL)	Bài 7: Công nghiệp. (NCBH theo hướng phát triển năng lực tự học)	9	Tuần 4/ tháng 11 năm 2024	Tuần 4/ tháng 11 năm 2024	Đỗ Thị Thúy
4	NT (MT)	Thời trang với hình vẽ thời tiền sử. (NCBH theo hướng phát triển năng lực tự học)	6	Tuần 3/tháng 11	Tuần 3/tháng 11	Bùi Vĩnh Tâm	
5	II	Ngữ Văn	Tiết 16: Chuyện cổ tích về loài người (Hướng dẫn HS lớp 6 phương pháp học tập)	6	Tuần 4/ tháng 9/2024	Tuần 4/ tháng 9/2024	Đỗ Thị Minh Thanh
6		Tiếng Anh	Unit 9: Lesson 1 (Phát huy phẩm chất, năng lực người học)	9	Tuần 4 tháng 2 năm 2025	Tuần 4 tháng 2 năm 2025	Bùi Thị Thùy Dương
7		LS-ĐL (phần LS)	Bài 13: Đại Việt thời Trần: NCBH theo hướng phát triển năng lực tự học:	7	Tuần/Thán g 3/2025	Tuần/Tháng 3/2025	Lê Thị Yên
		NT	Sơ lược về một số loại hình	9	Tháng	Tháng 2/2025	Phạm Thị Thu Hương

8		(ÂN)	nghệ thuật truyền thống: Hát Đúm, Ca trù, Chèo trên quê hương Thủy Nguyên		2/2025		
---	--	------	---	--	--------	--	--

2.1.3. Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong và ngoài nhà trường cho học sinh:

- Việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh (*kể cả trong và ngoài nhà trường*) thực hiện theo Kế hoạch dạy học của môn học và Kế hoạch giáo dục cho học sinh toàn trường. Các hoạt động trải nghiệm được xây dựng cụ thể về mục tiêu, thời lượng, gắn với yêu cầu của chương trình, có không gian, địa điểm tổ chức hoạt động phù hợp, đảm bảo an toàn, thiết thực, hiệu quả (*có phụ lục kèm theo Kế hoạch Giáo dục nhà trường*).

IV. KHUNG THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀY

Thời gian (Áp dụng buổi sáng)		Hoạt động	
		Sáng: Khối 6,7,8,9	Chiều (T/hiện từ 13h 55 hàng ngày)
7h - 7h15	15 phút	Truy bài đầu giờ	Thứ 2: DTHT theo TKB
7h15 - 8h	45 phút	Tiết 1 (theo TKB)	Thứ 3: Bồi dưỡng HSG - HSY Việc bồi dưỡng HSG, HSY được thực hiện linh hoạt thêm ngoài lịch được ấn định này để đạt mục tiêu của hoạt động.
8h05 - 8h50	45 phút	Tiết 2 (theo TKB)	Thứ 4: DTHT theo TKB
8h50 - 9h10	20 phút	Giải lao - TD giữa giờ	Thứ 5: - Tuần 1: Triển khai kế hoạch công tác tháng của Chi ủy, BGH, HĐT và HĐSP nhà trường - Tuần 2: Sinh hoạt tổ chuyên môn. - Tuần 3: Sinh hoạt tổ/nhóm CM và tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chủ đề cho HS lớp 6,7,8,9

9h15 - 10h	45 phút	Tiết 3 (theo TKB)	Thứ 6: DTHT theo TKB
10h05 - 10h50	45 phút	Tiết 4 (theo TKB)	Thứ 7: DTHT theo TKB
10h55 - 11h40	45 phút	Tiết 5 (theo TKB)	

V. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

(Có Phụ lục đính kèm kế hoạch tổng hợp tuần, tháng, học kỳ, năm học của BGH, tổ chuyên môn, từng khối lớp đính kèm kế hoạch này).

VI. MỘT SỐ KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM CỦA NĂM HỌC

1. Khung kế hoạch thời gian năm học:

- Giáo viên trả phép: 01/8/2024.
- HS tựu trường: 28/8/2024.
- Khai giảng: 05/9/2024.
- Học kì I: 06/9/2024 đến 11/01/2025.
- + Kiểm tra giữa kì I: Tuần 9 theo PPCT.
- + Kiểm tra cuối kì I: Tuần 17 theo PPCT.
- Học kì II: Từ 20/01 đến 24/5/2025 *(gồm cả dạy bù để hoàn thành chương trình năm học).*
- + Nghỉ tết Nguyên đán: Theo lịch chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo
- + Kiểm tra giữa kì II: Tuần 26 theo PPCT.
- + Kiểm tra cuối kì II: Tuần 34 theo PPCT *(Riêng lớp 9 kiểm tra tuần ở tuần 33)*
- Xét tốt nghiệp THCS: Trước ngày 20/5/2025.
- Kết thúc năm học: 31/5/2025.

2. Kế hoạch công tác cụ thể cho từng tháng: (Có phụ lục đính kèm).

3. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá:

3.1. Quy định số điểm đánh giá, kiểm tra các môn học năm học 2024 - 2025

(Theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD và ĐT. Nhà trường xây dựng lịch kiểm tra cụ thể kèm theo kế hoạch này)

3.1.1. Các môn thuộc Tổ KHXH:

Stt	Môn	Lớp	Học kỳ	TT điểm ĐGTX/ Tuần/ Hình thức)				TT điểm ĐGGK/ Tuần/ Hình thức)/ Thời gian làm bài	TT điểm ĐGCK/ Tuần/ Hình thức)	
				1	2	3	4	1	1	
1	NGỮ VĂN	6	I	T1- 16	T5	T8	T14	T9	T17	
				Hỏi đáp	Viết TL	Dự án	Sản phẩm	Viết:TN-TL – 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút	
			II	T19 - 33	T23	T30	T32	T26	T34	
				Hỏi đáp	TN-TL	Viết TL	Sản phẩm	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút	
			7	I	T1-T8	T9-T16	T6	T14	T9	T17
					Hỏi đáp	Hỏi đáp	Viết – 15’	Dự án	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút
		II		T19 –T26	T27-T34	T24	T31	T26	T34	
				Hỏi đáp	Hỏi đáp	Viết – 15’	Dự án	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút	
		8	I	T1- 16	T4	T8	T14	T9	T17	
				Hỏi đáp	Viết TL	Dự án	Sản phẩm	Viết:TN-TL – 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút	

			II	T19 - 33	T24	T28	T31	T26	T34		
			Hỏi đáp	Sản phẩm	TN-TL	Viết TL	Viết:TL - 90 phút	Viết:TL - 90 phút			
		9	I	T1-T16	T5	T10	T14	T9	T17		
			Hỏi-đáp	Viết-TL	Dự án	Viết-TL	Viết-TL-90 phút	Viết-TL-90 phút			
			II	T19-T32	T20	T24	T29	T26	T33		
			Hỏi-đáp	Viết-TL	Dự án	Viết-TL	Viết-TL-90 phút	Viết-TL-90 phút			
		2	Lịch sử và Địa lý	6	I	T1-T17(S)	T1-T17(Đ)	T5(S)	T5(Đ)	T9	T17
						Hỏi đáp	Hỏi đáp	Dự án	Dự án	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút
II	T19-T33(S)				T19-T33(Đ)	T23(S)	T23(Đ)	T26	T34		
	Hỏi đáp				Hỏi đáp	Dự án	Dự án	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút		
7	I			T1-T17(S)	T1-T17(Đ)	T6(S)	T6(Đ)	T9	T17		
				Hỏi đáp	Hỏi đáp	Dự án	Dự án	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút		
	II			T19-T33(S)	T19-T33(Đ)	T24(S)	T24(Đ)	T26	T34		
				Hỏi đáp	Hỏi đáp	Dự án	Dự án	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút		
8	I			T1-T8(S)	T9-T16 (Đ)	T6 (S)	T6 (Đ)	T9	T17		
				Hỏi đáp	Hỏi đáp	Viết:TN - TL	SPHS	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút		
	II			T19 - 23(S)	T24 - 33 (Đ)	T23 (S)	T23(Đ)	T26	T34		
				Hỏi đáp	Hỏi đáp	SPHS	Viết: TN	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút		
9	I			T1-T17(S)	T1-T17(Đ)	T5(S)	T5(Đ)	T9	T17		
				Hỏi đáp	Hỏi đáp	Viết:TN-TL	Viết:TN-TL	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút		

			II	T19-T33(S) Hỏi đáp	T19-T33(Đ) Hỏi đáp	T23(S) Viết:TN- TL	T23(Đ) Viết:TN-TL	T25 Viết:TN-TL - 90 phút	T33 Viết:TN-TL - 90 phút
3	TIẾNG ANH	6	I	T1-T16	T4	T11	T16	T9	T17
				Hỏi đáp	Viết:TN-TL	Viết:TN- TL	Viết:TN-TL	Viết:TL +TN - 60 phút	Viết:TL +TN - 60 phút
			II	T19 - T33	T23	T28	T33	T26	T34
				Hỏi đáp	Viết:TN-TL	Viết:TN- TL	Viết:TN-TL	Viết:TL +TN - 60 phút	Viết:TL +TN- 60 phút
		7	I	T1-T16	T4	T11	T16	T9	T17
				Hỏi đáp	Viết:TN-TL	Viết:TN- TL	Viết:TN-TL	Viết:TL +TN - 60 phút	Viết:TL +TN - 60 phút
			II	T19 - T33	T23	T28	T32	T26	T34
				Hỏi đáp	Viết:TN-TL	Viết:TN- TL	Viết:TN-TL	Viết:TL +TN - 60 phút	Viết:TL +TN- 60 phút
		8	I	T1-T16	T4	T11	T16	T9	T17
				Hỏi đáp	Viết:TN-TL	Viết:TN- TL	Viết:TN-TL	Viết:TL +TN - 60 phút	Viết:TL +TN - 60 phút
			II	T19 - T33	T23	T28	T32	T26	T34
				Hỏi đáp	Viết:TN-TL	Viết:TN- TL	Viết:TN-TL	Viết:TL +TN - 60 phút	Viết:TL +TN- 60 phút
		9	I	T1-T16	T5	T11	T16	T9	T17
				Hỏi đáp	Viết:TN	Viết:TN	Viết:TN	Viết:TN - 60 phút	Viết:TN - 60 phút
			II	T19 - T32	T22	T27	T32	T25	T33
				Hỏi đáp	Viết:TN	Viết:TN	Viết:TN	Viết:TN - 60 phút	Viết:TN- 60 phút
		6	I	T1- 17	T6			T9	T17
				Hỏi đáp	SPHT			TN- TL – 45 phút	TN- TL – 45

4	GDCD		II	T19-33	T24			T26	phút
				Hỏi đáp	SPHT			TN- TL – 45 phút	TN- TL – 45 phút
		7	I	T1- 17	T6			T9	T17
				Hỏi đáp	SPHT			TN- TL – 45 phút	TN- TL – 45 phút
			II	T19-33	T24			T26	T34
				Hỏi đáp	SPHT			TN- TL – 45 phút	TN- TL – 45 phút
		8	I	T1- 17	T6			T9	T17
				Hỏi đáp	SPHT			TN- TL - 45 phút	TN- TL – 45 phút
			II	T19-33	T24			T26	T34
				Hỏi đáp	SPHT			TN- TL - 45 phút	TN- TL – 45 phút
		9	I	T1- 16	T5			T9	T17
				Hỏi đáp	Viết:TN+TL			Viết:TN+TL - 45 phút	Viết:TN+TL-45 phút
			II	T19-32	T23			T26	T33
				Hỏi đáp	Viết:TN+TL			Viết:TN+TL - 45 phút	Viết:TN+TL-45 phút
		Môn Nghệ	6	I	T 4			T9	T17
					Thực hành			Thực hành – 45 phút	Thực hành – 45phút
			II	T 22			T26	T33	
				Thực hành			Thực hành – 45phút	Thực hành – 45phút	
7	I		T4			T9	T17		

5	thuật (ÂM NHẠC)			Thực hành				Thực hành – 45phút	Thực hành – 45phút	
		II		T22				T26	T33	
				Thực hành				Thực hành – 45phút	Thực hành – 45phút	
		8	I		T4				T9	T17
					Thực hành				Thực hành – 45phút	Thực hành – 45phút
			II		T22				T26	T33
					Thực hành				Thực hành – 45phút	Thực hành – 45phút
			I		T4				T9	T17
		9	II		Thực hành				Thực hành – 45phút	Thực hành – 45phút
					T22				T26	T33
10	Môn Nghệ thuật (MĨ THUẬT)	6	I		T4			T8	T16	
					Sản phẩm HT			Sản phẩm HT - 45phút	Sản phẩm HT - 45phút	
		II		T22				T26	T32	
				Sản phẩm HT			Sản phẩm HT - 45phút	Sản phẩm HT - 45phút		
		7	I		T4				T8	T16
					Sản phẩm HT			Sản phẩm HT - 45phút	Sản phẩm HT - 45phút	
			II		T22				T25	T33
				Sản phẩm HT			Sản phẩm HT - 45phút	Sản phẩm HT - 45phút		
		8	I		T4				T8	T16
					Sản phẩm HT			Sản phẩm HT - 45phút	Sản phẩm HT - 45phút	

			II		T22			T25	T33
					Sản phẩm HT			Sản phẩm HT - 45phút	Sản phẩm HT - 45phút
		9	I		T4			T10	T16
					Sản phẩm HT			Sản phẩm HT - 45phút	Sản phẩm HT - 45phút
			II		T22			T26	T32
					Sản phẩm HT			Sản phẩm HT - 45phút	Sản phẩm HT - 45phút

3.1.2. Các môn thuộc Tổ KHTN:

Stt	Môn	Lớp	Học kỳ	TT điểm ĐGTX/ Tuần/ Hình thức)				TT điểm ĐGGK/ Tuần/ Hình thức)/ Thời gian làm bài	TT điểm ĐGCK/ Tuần/ Hình thức)
				1	2	3	4	1	1
1	TOÁN	6	I	T1-T17	T5	T14	T16	T9	T17
				Hỏi đáp, làm bài tập	Viết: TN,TL	Viết: TN,TL	Viết: TN,TL	Viết: TN-TL - 90 phút	Viết: TN-TL - 90 phút
			II	T19 - 34	T22	T32	T33	T26	T34
				Hỏi đáp, làm bài tập	Viết: TN,TL	Viết- Báo cáo TH	Viết: TN,TL	Viết: TN-TL - 90 phút	Viết: TN-TL - 90 phút
		7	I	T1 -T17	T5	T8	T15	T9	T17
				Hỏi đáp, làm	Viết: TN,TL	Viết: TN,TL	Viết: TN,TL	Viết: TN-TL - 90 phút	Viết: TN-TL - 90 phút

2	KHTN	8	II	bài tập					
				T19 - T34	T23	T28	T31	T26	T34
			Hỏi đáp, làm bài tập	Viết: TN, TL	Viết: TN, TL	Viết: TN, TL	Viết: TN-TL - 90 phút	Viết: TN-TL - 90 phút	
			I	T1 - T17	T5	T7	T12	T9	T17
		Hỏi đáp, làm bài tập		Viết: TN, TL	Viết: TN, TL	Viết: TN, TL	Viết: TN-TL - 90 phút	Viết: TN-TL - 90 phút	
		II	T19 - T34	T24	T28	T30	T26	T34	
			Hỏi đáp, làm bài tập	Viết: TN, TL	Viết: TN, TL	Viết: TN, TL	Viết: TN-TL - 90 phút	Viết: TN - 90 phút	
		9	I	T1-T17	T4	T11	T13	T9	T17
				Hỏi đáp, làm bài tập	Viết: TN, TL	Viết: TN, TL	Viết: TN, TL	Viết: TN-TL - 90 phút	Viết: TN - TL - 90 phút
			II	T19 - 34	T21	T24	T29	T26	T33
				Hỏi đáp, làm bài tập	Viết: TN, TL	Viết: TN, TL	Viết: TN, TL	Viết: TN - 90 phút	Viết: TN - 90 phút
		6	I	T1-T16	T4	T10	T15	T9	T17
Hỏi đáp, làm bài tập	Viết: TN-TL			SPHT	Viết: TN - TL	Viết: TN-TL - 90 phút	Viết: TN-TL - 90 phút		
II	T19 - 32		T24	T29	T32	T26	T34		
	Hỏi đáp, làm bài tập		Báo cáo TH	Viết: TN-TL	Viết: TN-TL	Viết: TN-TL - 90 phút	Viết: TN-TL - 90 phút		
7	I	T1 - T16	T5	T8	T14	T9	T17		
		Hỏi đáp	Sản phẩm	Viết: TN-TL	SPHT	Viết: TN-TL - 90 phút	Viết: TN-TL - 90 phút		
	II	T19 - T32	T23	T29	T33	T26	T34		

3	CÔNG NGHỆ	8	I	Hỏi đáp, làm bài tập	Báo cáo TH	Viết:TN-TL	Viết:TN-TL	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút	
				T1 -T16	T5	T11	T15	T9	T17	
			II	Hỏi đáp, làm bài tập	Viết:TN-TL	Viết:TN-TL	Viết:TN-TL	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút	
				T19 -T32	T23	T27	T32	T26	T34	
			9	I	Hỏi đáp, làm bài tập	Viết:TN-TL	Báo cáo TH	Viết:TN-TL	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút
					T1-T16	T5	T11	T15	T9	T17
				II	Hỏi đáp, làm bài tập	Báo cáo	Báo cáo	Viết:TN-TL	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút
					T19 - 32	T20	T25	T30	T26	T34
		6	I	Hỏi đáp, thực hành	Viết:TN-TL	PHT	Viết:TN-TL	Viết:TN-TL - 90 phút	Viết:TN-TL - 90 phút	
				T1-T16	T11			T9	T17	
			II	Hỏi đáp, thực hành	Thực hành			Viết:TN-TL - 45 phút	Viết:TN-TL - 45 phút	
				T19 - 32	T23			T26	T34	
7	I		Hỏi đáp, thực hành	Thực hành			Viết:TN-TL - 45 phút	Viết:TN-TL - 45 phút		
			T1 -T16	T6			T9	T17		
	II		Hỏi đáp, thực hành	Thực hành			Viết:TN-TL - 45 phút	Viết:TN-TL - 45 phút		
			T19 - T32	T23			T27	T34		
8	I		Hỏi đáp, thực hành	Thực hành	Thực hành		Viết:TN-TL - 45 phút	Viết:TN-TL - 45 phút		
			T1 -T16	T7	T12		T10	T16		

			II	T19 -T32	T21	T24		T26	T34
				Hỏi đáp, thực hành	Thực hành	Thực hành		Viết: TN-TL - 45 phút	Viết: TN-TL - 45 phút
		9	I	T1-T16	T7	T10-15		T10	T17
				Hỏi đáp, thực hành	Viết: TL	Thực hành		Viết: TN-TL - 45 phút	Viết: TN-TL - 45 phút
	II	T19 - 32	T21	Tuần 27		T27	T33		
		Hỏi đáp, thực hành	Viết: TL	Viết: TL		Viết: TN-TL - 45 phút	Viết: TN-TL - 45 phút		
4	GDTC	6	I	T5	12			T9	T17
				Thực hành	Thực hành			Thực hành	Thực hành
			II	T22	T31			T26	T34
				Thực hành	Thực hành			Thực hành	Thực hành
		7	I	T5	12			T9	T17
				Thực hành	Thực hành			Thực hành	Thực hành
			II	T22	T31			T26	T34
				Thực hành	Thực hành			Thực hành	Thực hành
		8	I	T5	12			T9	T17
				Thực hành	Thực hành			Thực hành	Thực hành
			II	T22	T31			T26	T34
				Thực hành	Thực hành			Thực hành	Thực hành
9	I	T5	12			T9	T17		
		Thực hành	Thực hành			Thực hành	Thực hành		
	II	T21	T30			T26	T33		
		Thực hành	Thực hành			Thực hành	Thực hành		
5	TIN	6	I	T1 -T16	T5			T9	T16
				Hỏi đáp, thực hành	Viết			Viết: TN-TL - 45 phút	Viết: TN-TL - 45 phút
			II	T18 -T34	T22			T25	T33
				Hỏi đáp,	Viết			Viết: TN-TL - 45 phút	Viết: TN-TL -

			thực hành					45 phút
7	I	T1 -T16	T5				T9	T17
		Hỏi đáp, thực hành	Thực hành				Viết:TN-TL - 45 phút	Viết:TN-TL - 45 phút
	II	T18 –T32	T23				T26	T34
		Hỏi đáp, thực hành	Thực hành				Viết:TN-TL - 45 phút	Viết:TN-TL - 45 phút
8	I	T1 -T16	T6				T9	T17
		Hỏi đáp, thực hành	Bài tập				Viết:TN-TL - 45 phút	Viết:TN-TL - 45 phút
	II	T18 –T32	T22				T26	T34
		Hỏi đáp, thực hành	Thực hành				Viết:TN-TL - 45 phút	Viết:TN-TL - 45 phút
9	I	T1 -T16	T14				T9	T17
		Hỏi đáp, thực hành	Thực hành				Viết:TN-TL - 45 phút	Viết:TN-TL - 45 phút
	II	T18 –T32	T27				T26	T33
		Hỏi đáp, thực hành	Thực hành				Viết:TN-TL - 45 phút	Viết:TN-TL - 45 phút

Lưu ý: Riêng nội dung dạy GDDP kiểm tra đánh giá theo Hướng dẫn chuyên môn, từ năm học 2023-2024 của Sở GDĐT, kế hoạch của nhà trường.

3.2. Lịch kiểm tra, đánh giá định kỳ.

Kiểm tra chung đề giữa học kì tại lớp.

- Ban Giám hiệu xây dựng Kế hoạch kiểm tra, đánh giá riêng.

3.3. Kế hoạch nhập kết quả kiểm tra, đánh giá lên CSDL ngành.

(Áp dụng cho tiến độ nhập điểm vào CSDL ngành của cả hai kỳ/năm học)

Môn/Tuần	T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	T 6	T 7	T 8	T 9	T 10	T 11	T 12	T 13	T 14	T 15	T 16	T 17	T 18	Tổng /môn
Ngữ văn				TX	TX				GK	GK								CK	
Toán				TX	TX				GK	GK								CK	
Ngoại ngữ 1				TX	TX				GK	GK								CK	
GDCD				TX	TX				GK	GK								CK	
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử			TX	TX				GK	GK								CK	
	Địa lý			TX	TX				GK	GK								CK	
Khoa học tự nhiên	Mạch KT Lý			TX	TX				GK	GK								CK	
	Mạch KT Hóa			TX	TX				GK	GK								CK	
	Mạch KT Sinh			TX	TX				GK	GK								CK	
Công nghệ				TX	TX				GK	GK								CK	
Tin học				TX	TX				GK	GK								CK	
GDTC				TX	TX				GK	GK								CK	
Nghệ thuật	Âm nhạc			TX	TX				GK	GK								CK	
	Mĩ thuật			TX	TX				GK	GK								CK	
HĐTN,HN	CC+CHCT			TX	TX				GK	GK								CK	
	TN, CĐ								GK	GK								CK	
GDDP				TX	TX				GK	GK								CK	

Chú ý: Các môn căn cứ kế hoạch đề vào điểm đúng tiến độ, đến 11h00 thứ 7 của tuần quy định vào điểm, bộ phận quản trị CSDL sẽ khoá lại. Nếu GV chưa vào hoặc cần sửa chữa điểm phải báo cáo và có giấy đề nghị được BGH duyệt đồng ý mới được quản trị mở để cập nhật. Mọi sửa chữa về điểm trên CSDL phải có biên bản giải trình và lưu hồ sơ.

VII. BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN TỔ KHXH, TỔ KHTN

Thực hiện từ ngày 06/9/2024, gồm cả tiến trình giảng dạy các môn có từ 02 giáo viên cùng thực hiện trở lên (KHTN, Lịch sử và Địa lý, Giáo dục địa phương, Nghệ thuật) và phân công giáo viên chủ trì nhập điểm và ký duyệt học bạ trên CSDL ngành giáo dục và đào tạo.

1.TỔ KHXH: Thực hiện từ 06/9/2024

Stt	Họ và tên	Chủ nhiệm lớp	Giảng dạy	Chuyên môn đào tạo	Công việc kiêm nhiệm	Tổng số tiết
1	PHẠM HỒNG HẢI		Lịch sử - Địa lý 6A1 (2/1)	CĐSP Văn – Địa, ĐHSP Văn, TSQGLD		1,5
2	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	8A1(5)	Anh 8A1,2 (6) + Anh 6A3,4 (6) + SHDCQM Lớp	CĐ, ĐH Tiếng Anh	TTCM(3) HSG Anh 8	20
3	LÊ THỊ VÂN		Anh 9A3,4 (6) + Anh 7A1,3,4,5 (12)	CĐ,ĐH Tiếng Anh	HSG Anh 7	18
4	BÙI THỊ THUY DƯƠNG	9A1(5)	Anh 9A1,2 (6) + Anh 8A3,4 (6) + SHDCQM Lớp	ĐH Tiếng Anh	HSG Anh 9	17 +
5	PHẠM THỊ TUYẾT LAN	9A4(5)	Văn 9A3,4(8) + GDDP Văn 6 (4 tiết/1 HK/4 lớp) (0,9) + SHDCQM Lớp	CĐSPNgữ văn – TV, ĐH Văn		13,9 +
6	PHẠM THỊ PHƯƠNG		Văn9A1,2 (8) + CĐ, SHDCQMK HĐTĐ khối 8,9 (4)	CĐSPNgữ văn đoàn đội , ĐH Văn	HSG Văn 9	12
7	LÊ THỊ YÊN		Văn 8A1,2(8) + Lịch sử - Địa LýK 7(10/5) + GDDP Sử K7 (9T/HK/ 5 lớp) (2,5) + GDDP Sử K9 (K9 tổng 17T/HK/1lớp x 4 lớp (3.8)	CĐSPNgữ văn – Lịch sử, ĐH Văn	HSG Văn 8	21.8
8	ĐỖ THỊ MINH THANH	6A1(5)	Văn 8A3,4(8) + Văn 6A1(4) + SHDCQM Lớp	ĐH Văn		17+
9	NG THỊ THANH BÌNH	7A5(5)	Văn 7A4,5(8) + Lịch sử - Địa lý 8A1,2(2/4) + GDDPĐịa K6 (5/HK) (1,1) + SHDCQM Lớp + Lịch sử - Địa lý 6A2 (2/1)	CĐSPNgữ văn – Địa lý, ĐH Văn	HSG Văn 7,TPCM(1)	19,6 +
10	NGUYỄN THỊ THẢO		Văn 7A1,2 (8) + GDDPVăn k7 (4T/HK) (0,9) + TPT (9)	CĐSPNgữ văn đoàn đội	TVTLHHĐ	17,9
11	NGUYỄN THỊ OANH		Văn 6A2(4) + Văn 7A3(4) + Lịch sử- ĐịaLý K7(5/10) + Lịch sử- Địa lý 6A3,4 (4/2)	CĐSPNgữ văn – Địa lý, ĐH Văn		18,5
12	ĐỖ VIỆT ANH	6A3(5)	Văn 6A3,4 (8) + GDCDK 9 (4) + SHDCQM Lớp	CĐSPNgữ văn – Lịch sử, GDCD	HSG GDCD 9	17 +
13	PHẠM THỊ THU HƯƠNG		NT (Nhạc) k9 (4) + NT(Nhạc)K8(4) + NT(Nhạc) K7(5) + NT(Nhạc) K6 (4) + GDDP (Nhạc) khối 8 (5T/HK/1 lớp x 8 lớp (1,1)	ĐH Nhạc	HSG AN 9	18,1
14	ĐỖ THỊ THÚY		LS -Địa Lý K9 (4/8) + GDCD K6(4) + GDCD K8A(4) + GDCD K7(5) + GDDP (GDCD k7 5T/1HK/1 lớp x5 lớp (1,4)	CĐSP GDCD – Địa lý, ĐH Địa	HSG LS-ĐL 9	20,4

Stt	Họ và tên	Chủ nhiệm lớp	Giảng dạy	Chuyên môn đào tạo	Công việc kiêm nhiệm	Tổng số tiết
15	NGUYỄN THỊ HẰNG		Lịch Sử - Địa lý 8 (8/4) + LS- ĐL 9 (8/4) + Lịch sử - Địa Lý K6 (4/8) + GDDP Sử k8 (K8 tổng 9T/HK/1 lớp x4 lớp = 36 tiết (2) + GDDP Sử K6 (9T/HK/ 4 lớp) (2)	CĐSPNgữ văn – Lịch sử, ĐH Sử	HSG LS - ĐL 9	22
16	BÙI VĨNH TÂM		Nghệ thuật K6,7,8,9 (17) + Lịch sử - Địa lý (Địa)8A3,4 (2/4)	CĐSP Họa – Địa lý, ĐH Địa	UVBCHCĐ(1) HSG MT9	21
17	LÊ THỊ NHUNG		Anh 6A1,2 (6) + Anh 7A2 (3) + Hỗ trợ CĐ HĐT N HN K6,7,8,9		HSG Anh 6	9

2. TỔ KHTN: Thực hiện từ 06/9/2024

Stt	Họ và tên	Chủ nhiệm lớp	Giảng dạy	Chuyên môn đào tạo	Công việc kiêm nhiệm	Tổng số tiết
1	TRẦN THỊ DUYÊN		KHTN Hoá 7A5 (T1 – T9) = 36 tiết (2)	CĐSP Hóa- Sinh,ĐHSP Hóa, TSQLGD		2
2	ĐỒNG THỊ HẠNH		KHTN Hoá K8A (T1 – T12) = 48 tiết x 4 = 192 tiết (10,6) + KHTN Hoá K9 (T12 – T18) = 28 tiết x 4 = 112 tiết (6,2)	CĐSP Hóa- Sinh,ĐHSP Hóa	TTCM (3) HSG KHTN 9	19,8
3	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	9A2(5)	Toán 9A1,2(8) + KHTN Lý 6A1,2 (T1 – T4) = 16 tiết x 2 lớp = 32 tiết (1,8 tiết) + KHTN Lý 7A2,3 (T10 – T18) = 36 tiết x 2 lớp = 72 tiết (4 tiết) + SHDCQM Lớp	CĐSP Toán – Lý, ĐHSP Toán	HSG Toán 9	18,8 +
4	TRẦN THỊ HẢI CHI	9A3(5)	Toán 9A3,4 (8) + Toán 8A1 (4) + SHDCQM Lớp	ĐHSP Toán, TS Toán	HSG Toán TA, Toán 8	17 +
5	ĐỖ THỊ SỬA	8A4(5)	Toán 8A3,4 (8) + Tin 6A1,2 (2)) + SHDCQM Lớp	CĐSP Toán – Hóa, ĐHCNTT	HSG Tin 8,9 TPCM (1) UVBCHCĐ (1)	17 +

Stt	Họ và tên	Chủ nhiệm lớp	Giảng dạy	Chuyên môn đào tạo	Công việc kiêm nhiệm	Tổng số tiết
6	LÊ VIỆT DINH	7A3(5)	Toán 7A3(4) + Toán 8A2 (4) + SHDCQM Lớp + Day chủ đề + SHDCQM khối HĐTĐN K7 (2)	ĐHSP Toán	HSG Toán TA 8, TVTLHĐ	15 +
7	PHẠM THỊ NGA	7A2(5)	Toán 7A1,2(8) + KHTN Hoá 7A2 ,3 (T1 – T9) = 36 tiết/1 lớp x 2 lớp = 72 tiết) (4) + SHDCQM Lớp	CĐSP Toán – Hóa – Sinh, ĐHSP Toán	HSG Toán 7	17 +
8	NGUYỄN THỊ HÀ	7A4(5)	Toán 7A4,5(8) + KHTN Lý 7A 1,4,5 (T10 – T18) = 36 tiết x 3 lớp = 108 tiết (6 tiết) + SHDCQM Lớp	CĐSP Toán – Lý, ĐHSP Toán	HSG Toán 7	19 +
9	NGUYỄN VĂN VŨ	6A2(5)	Toán 6A1,2 (8) + CĐ HĐTĐN khối 6 (2) + SHDCQM khối, lớp	ĐHSP Toán	TVTLHĐ HSG Toán 6	15 +
10	HOÀNG THỊ NHUNG	6A4 (5)	Toán 6A3,4 (8) + KHTNLý 9A3,4 (T1 – T11) = 46 tiết/1 lớp x 2 lớp = 92 tiết) (5,1) + SHDCQM Lớp	CĐSP Toán – Lý ĐH.....	HSG Toán 6	18,1 +
11	PHẠM THỊ HUYỀN		CN 9A1(2) + Tin 6A3,4 (2) + Tin K7A (5) + Tin k,8,9 (8)	CĐSPKTPV, ĐH CNTT	TBTTND (2) HSG CN, Tin	19
12	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG		CN K6(4) + CNK 7(5) + CN K8 (4) + CN 9A2,3,4 (6)	CĐSPKTPV, ĐH KT	HSG CN	19
13	NGUYỄN THỊ HUỆ	7A1(5)	KHTN Hoá 7A1,4 (T1 – T9) = 36 tiết x 2 = 72 tiết (4) + KHTN Hoá K6 (T5 – T10) = 24 tiết x 4 = 96 tiết (5,3) + SHDCQM Lớp	CĐSP Hóa- Sinh, ĐHSP Hóa	HSG KHTN 9 (Sinh)	14,3 +
14	ĐỖ THỊ LAN		KHTN Sinh K6 (T11 – T18) = 32 tiết x 4 = 128 tiết (7,1) + GDTC 7A1,2,4,5 (8) + GDĐP (T1 – T4)(Sinh 8) 4 tiết/1 lớp x 4 = 16 tiết (0,9)	CĐSP TD - Sinh, ĐHSP CN- Sinh	HSG GDTC , TDVS	16
15	NGUYỄN THỊ THỦY		GDTC7A3(2) + GDTC6(8) + GDTC9 (8)	CĐSP TD , ĐHSP TD	TDVS HSG GDTC	18
16	ĐINH THỊ HƯỜNG	8A3(5)	GDTC K8(8) ++ SHDCQM Lớp	CĐSP TD , ĐHSP TD	CTCĐ(3), PC (2) HSGGDTC	18+
17	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	8A2(5)	KHTNLý 9A1,2 (T1 – T11) = 46tiết/1 lớp x 2 lớp = 92	ĐHSP Lý	HSGKHTN Lý 9	17,2 +

Stt	Họ và tên	Chủ nhiệm lớp	Giảng dạy	Chuyên môn đào tạo	Công việc kiêm nhiệm	Tổng số tiết
			tiết) (5,1) + KHTN Lý 6A3,4 (T1 – T4) = 16 tiết x 2 lớp = 32 tiết (1,8 tiết) + KHTN Lý K8 (T13 – T18) = 24 tiết/1 lớp x 4 lớp = 96 tiết (5,3) + SHDCQM Lớp			

3. Tổ KHXH: Thực hiện từ 20/01/2025

Stt	Họ và tên	Chủ nhiệm lớp	Giảng dạy	Chuyên môn đào tạo	Công việc kiêm nhiệm	Tổng số tiết
1	PHẠM HỒNG HẢI		Lịch sử - Địa lý 6A1 (2/1)	CĐSP Văn – Địa, ĐHSP Văn, TSQLGD		1,5
2	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	8A1(5)	Anh 8A1,2 (6) + Anh 6A3,4 (6) + SHDCQM Lớp	CĐ, ĐH Tiếng Anh	TTCM(3) HSG Anh 8	20
3	LÊ THỊ VÂN		Anh 9A3,4 (6) + Anh 7A1,3,4,5 (12)	CĐ,ĐH Tiếng Anh	HSG Anh 7	18
4	BÙI THỊ THÙY DƯƠNG	9A1(5)	Anh 9A1,2 (6) + Anh 8A3,4 (6) + SHDCQM Lớp	ĐH Tiếng Anh		17 +
5	PHẠM THỊ TUYẾT LAN	9A4(5)	Văn 9A3,4(8) + GDĐP Văn 8 (8 tiết/1 HK/4 lớp) (1,9) + SHDCQM Lớp	CĐSPNgữ văn – TV, ĐH Văn		14,9 +
6	PHẠM THỊ PHƯƠNG		Văn9A1,2 (8) + CĐ, SHDCQM khối HDTN khối 8,9 (4)	CĐSPNgữ văn đoàn đội , ĐH Văn		12
7	LÊ THỊ YẾN		Văn 8A1,2(8) + Lịch sử - Địa LýK 7(10/5)	CĐSPNgữ văn – Lịch sử, ĐH Văn	HSG Văn 8	15,5
8	ĐỖ THỊ MINH THANH	6A1(5)	Văn 8A3,4(8) + Văn 6A1(4) + SHDCQM Lớp	ĐH Văn		17+
9	NG THỊ THANH BÌNH	7A5(5)	Văn 7A4,5(8) + Lịch sử - Địa lý 8A1,2(2/4) + GDĐPĐịa K6 (9 tiết /HK) x 4 (2,1) + GDĐPĐịa K8 (5 tiết /HK) x 4 (1,2) SHDCQM Lớp + Lịch sử - Địa lý 6A2 (2/1)	CĐSPNgữ văn – Địa lý, ĐH Văn	HSG Văn 7,TPCM(1)	21,8 +
10	NGUYỄN THỊ THẢO		Văn 7A1,2 (8) + GDĐPVăn k7 (9T/HK/1 lớp = 36 tiết (2,1) + TPT (9)	CĐSPNgữ văn đoàn đội	TVTLHHĐ	19,1
11	NGUYỄN THỊ OANH		Văn 6A2(4) + Văn 7A3(4) + Lịch sử- ĐịaLý K7(5/10) + Lịch sử- Địa lý 6A3,4 (4/2) + GDĐP Địa k7 (5T/HK/1 lớp x 4 = 20 tiết (1,2)	CĐSPNgữ văn – Địa lý, ĐH Văn		19,7
12	ĐỖ VIỆT ANH	6A3(5)	Văn 6A3,4 (8) + GDCDK 9 (4) + GDĐP (GDCD k9 (9T/HK/1 lớp x 4 = 36 tiết (2.1) + SHDCQM Lớp	CĐSPNgữ văn - Lịch sử, GDCD		19.1 +
13	PHẠM THỊ THU HƯƠNG		NT (Nhạc) k9 (4) + NT(Nhạc)K8(4) + NT(Nhạc) K7(5) + NT(Nhạc)	ĐH Nhạc		20.3

Stt	Họ và tên	Chủ nhiệm lớp	Giảng dạy	Chuyên môn đào tạo	Công việc kiêm nhiệm	Tổng số tiết
			K6 (4) + GDĐP (Nhạc) khối 9 (9T/HK/1 lớp x4 lớp (1,1) + GDĐP (Nhạc) khối 7 (4T/HK/1 lớp x 5 lớp = 20 tiết (2,1)			
14	ĐỖ THỊ THUÝ		LS -Địa Lý K9 (4/8) + GDCD K6(4) + GDCD K8A(4) + GDCD K7(5) GDĐP (GDCD k6 (9T/1HK/1 lớp x 4 lớp (2,1)	CĐSP GDCD – Địa lý, ĐH Địa		21.1
15	NGUYỄN THỊ HẰNG		Lịch Sử - Địa lý 8 (8/4) + LS- ĐL 9 (8/4) + Lịch sử - Địa Lý K6 (4/8) + GDDP Sử k8 (K8 tổng 4T/HK/1 lớp x4 lớp = 16 tiết (0,9)	CĐSPNgữ văn – Lịch sử, ĐH Sử		18,9
16	BÙI VĨNH TÂM		Nghệ thuật K6,7,8,9 (17) + Lịch sử - Địa lý (Địa)8A3,4 (2/4)	CĐSP Họa – Địa lý, ĐH Địa	UVBCHCĐ(1)	21
17	LÊ THỊ NHUNG		Anh 6A1,2 (6) + Anh 7A2 (3) + Hỗ trợ CĐ HĐTN HN K6,7,8,9 Hỗ Trợ TPT		HSG Anh 6	9 +

4. Tổ KHTN: Thực hiện từ 20/01/2025

Stt	Họ và tên	Chủ nhiệm lớp	Giảng dạy	Chuyên môn đào tạo	Công việc kiêm nhiệm	Tổng số tiết
1	TRẦN THỊ DUYÊN		KHTN Sinh 7A5 (T21– T35) = 60 tiết (3,5)	CĐSP Hóa- Sinh, ĐHSP Hóa, TSQLGD		3,5
2	ĐỒNG THỊ HẠNH		KHTN Hoá K9 (T19 – T25) = 28 tiết x 4 = 112 tiết (6,6) + KHTN Sinh 8A3,4 (T 24 – T35) = 48 tiết x 2 = 96 tiết (5,7) + KHTN Sinh 7A4 (T21– T35) = 60 tiết (3,5)	CĐSP Hóa- Sinh, ĐHSP Hóa	TTCM (3)	18,8
3	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	9A2(5)	Toán 9A1,2(8) + KHTN Lý 7A 2,3 (T19 – T20) = 8 tiết x 2 lớp = 16 tiết (0,9 tiết) + SHDCQM Lớp	CĐSP Toán – Lý, ĐHSP Toán		13,9 +

Stt	Họ và tên	Chủ nhiệm lớp	Giảng dạy	Chuyên môn đào tạo	Công việc kiêm nhiệm	Tổng số tiết
4	TRẦN THỊ HẢI CHI	9A3(5)	Toán 9A3,4 (8) + Toán 8A1 (4) + SHDCQM Lớp	ĐHSP Toán, TS Toán	HSG Toán 8	17 +
5	ĐỖ THỊ SỮA	8A4(5)	Toán 8A3,4 (8) + Tin 6A1,2 (2) + SHDCQM Lớp	CĐSP Toán – Hóa, ĐHCNTT	TPCM (1) UVBCHCĐ (1)	17 +
6	LÊ VIỆT DINH	7A3(5)	Toán 7A3(4) + Toán 8A2 (4) + SHDCQM Lớp + Dạy chủ đề + SHDCQM khối HDTN K7 (2)	ĐHSP Toán		15+
7	PHẠM THỊ NGA	7A2(5)	Toán 7A1,2(8) + KHTN Sinh 7A2 ,3 (T21 – T 35) = 60 tiết x 2 = 120 tiết (7,1) + SHDCQM Lớp	CĐSP Toán – Hóa – Sinh, ĐHSP Toán	HSG Toán 7	20,1+
8	NGUYỄN THỊ HÀ	7A4(5)	Toán 7A4,5(8) + KHTN Lý 7A 1,4,5 (T19 – T20) = 8 tiết x 3 lớp = 24 tiết (1,4 tiết) + SHDCQM Lớp	CĐSP Toán – Lý, ĐHSP Toán	HSG Toán 7	14,4 +
9	NGUYỄN VĂN VŨ	6A2(5)	Toán 6A1,2 (8) + CD HDTN khối 6 (2) + SHDCQM khối , lớp	ĐHSP Toán	HSG Toán 6	15 +
10	HOÀNG THỊ NHUNG	6A4 (5)	Toán 6A3,4 (8) + KHTN Lý 6A3,4 (T25– T35) = 44 tiết/2 lớp = 88 tiết (5,2) + SHDCQM Lớp	CĐSP Toán – Lý ĐH.....	HSG Toán 6	18,2 +
11	PHẠM THỊ HUYỀN		CN 9A1(1) + Tin 6A3,4 (2) + Tin K7A (5) + Tin k,8,9 (8) + TTND (2)	CĐSPKTPV, ĐH CNTT	TBTTND (2)	18
12	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG		CN K6(4) + CNK 7(5) + CN K8 (8) + CN 9A2,3,4 (3)	CĐSPKTPV, ĐH KT		20
13	NGUYỄN THỊ HUỆ	7A1(5)	KHTN Sinh 7A1 (T21– T35) = 60 tiết = 60 tiết (3,5) + KHTN Sinh 8A1,2 (T 24 – T35) = 48 tiết x 2 = 96 tiết (5,7) + KHTN Sinh 9A1,2 (T26 – T34) = 38 tiết x 2 = 76 tiết (4,5) + SHDCQM lớp	CĐSP Hóa- Sinh,ĐHSP Hóa		18,7 +
14	ĐỖ THỊ LAN		KHTN Sinh K6 (T19 – T24) = 24 tiết x 4 = 96 tiết (5,7) + GDTC 7A1,2,4,5 (8) + KHTN Sinh 9A3,4 (T26 – T34) = 38 tiết x 2 = 76 tiết (4,5)	CĐSP TD - Sinh, ĐHSP CN- Sinh	HSG GDTC , TDVS	18,2

Stt	Họ và tên	Chủ nhiệm lớp	Giảng dạy	Chuyên môn đào tạo	Công việc kiêm nhiệm	Tổng số tiết
15	NGUYỄN THỊ THỦY		GDTC7A3(2) + GDTC6(8) + GDTC9 (8)	CĐSP TD, ĐHSP TD	TDVS, HSG GDTC	18
16	ĐINH THỊ HƯỜNG	8A3(5)	GDTC K8(8) + Hỗ trợ đc Hạnh KHTN Sinh 7A4 (T24–T25) = 8 tiết (0,5) + SHDCQM Lớp	CĐSP TD, ĐHSP TD	CTCĐ(3) HSGGDTC	16,5 +
17	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	8A2(5)	KHTN Lý K8A (T19 – T23) = 20 tiết/1 lớp x 4 = 80 tiết (4,8) + SHDCQM Lớp + KHTN Lý 6A1,2 ((T25 – T35) = 44 tiết /1 lớp x 2 = 88 tiết (5,2) + SHDCQM Lớp	ĐHSP Lý		15 +

5. Tiến trình thực hiện môn KHTN khối lớp 6,7,8,9 trong năm học.

Stt	Khối	Nội dung Vật Lý	Người dạy	Nội dung Hoá học	Người dạy	Nội dung Sinh học	Người dạy	Giáo viên chủ trì Nhập điểm, ký sổ điểm, học bạ
1	6HKI	Tuần 1 – 4 (4 Tuần đầu)	Giang 6A1,2 Thương 6A3,4	Tuần 5 - 10 (6 Tuần giữa)	Huệ K6	Tuần 11 -18 (8 Tuần cuối)	Đ.Lan K6	Thương 6A1,2 Đ.Lan 6A3,4
	6HKII	Tuần 25 – 35 (11 tuần)	Thương 6A1,2 Nhưng 6A3,4			Tuần 19 -24 (6 Tuần đầu)	Đ.Lan K6	
2	7HKI	Tuần 10 - 18 (9 Tuần cuối)	Hà 7A1,4,5 Giang 7A2,3	Tuần 1 - 9 (9 Tuần đầu)	Huệ 7A1,4 Nga		Huệ - Sinh 7A1,4 Duyên 7A5	Huệ 7A1,5 Hà 7A4 Giang 7A2,3

					7A2,3 Duyên 7A5		Nga 7A2,3	
	7HKII	Tuần 19 - 20 (2 Tuần đầu)	Hà 7A1,4,5 Giang 7A2,3			Tuần 21 – 35 (15 tuần cuối)	Huệ 7A1 Hạnh 7A4 Nga 7A2,3 Duyên 7A5 Hường hỗ trợ 7A4 (T24 -25)	
3	8HKI	Tuần 13 -18 (6Tuần cuối)	Thương K8	Tuần 1 - 12 (12 Tuần đầu)	HạnhK8			Thương 8A1,2 Hạnh 8A2,3
	8HKII	Tuần 19 - 23 (5 tuần đầu)	Thương K8			Tuần 24 - 35 (12 tuần cuối)	Huệ 8A1,2 Hạnh 8A3,4	
4	9HKI	Tuần 1 – 11 (11Tuần đầu)	Thương 9A1,2 Nhưng 9A3,4	Tuần 12 - 18 (7 Tuần cuối)	Hạnh 9A1,2, 3,4			Hạnh 9A1,2 Huệ 9A3,4
	9HKII			Tuần 19 - 25 (7 Tuần đầu)	Hạnh 9A1,2, 3,4	Tuần 26 -34 (9 Tuần cuối)	Huệ 9A1,2 Đ.Lan 9A3,4	

6. Tiến trình thực hiện Nội dung Giáo dục địa phương lớp 6,7,8,9 trong năm học.

Stt	Khối	6		7		8		9	
		Chủ đề	Người dạy						

1	HKI	<p>1.Lịch sử CD1,2 (Địa) – 8Tiết +1T KTGK = 9 T</p> <p>2.Văn CD3 – 4 Tiết</p> <p>3. Địa CD 4,5 - 4Tiết + 1T KTCK = 5T</p>	<p>1.Nguyễn Thị Hằng</p> <p>2.Phạm Thị Tuyết Lan</p> <p>3.Nguyễn Thị Thanh Bình</p>	<p>1.Lịch sử CD1,2- 8Tiết +1T KTGK = 9 T</p> <p>2.VănCD3 – 4 tiết</p> <p>3.GDCD CD4</p> <p>(Lịch sử) - 4Tiết + 1T KTCK = 5T</p>	<p>1. Lê Thị Yên</p> <p>2.Nguyễn Thị Thảo</p> <p>3. Đỗ Thị Thuý</p>	<p>1.GDCD(Sinh) - CD 7 – 4 Tiết</p> <p>2.Âm Nhạc – CD4 – 4Tiết + 1T KTGK = 5T</p> <p>3. Sử CD 1,2,3 - 8 Tiết + 1T KTCK = 9 T</p>	<p>1. Đỗ Thị Lan</p> <p>2. Phạm Thu Hương</p> <p>3.Nguyễn Thị Hằng</p>	<p>1. Lịch sử CD1,2,3</p> <p>KTĐG GK,CK 17 tiết</p>	<p>1. Lê Thị Yên</p>
2	HKII	<p>1.Địa CD 5,6 - 8 Tiết +1T KTGK = 9 T</p> <p>2.GDCDCD7 (Địa) 4Tiết</p> <p>3.GDCD CD 8 - 4Tiết + 1T KTCK = 5T</p>	<p>1. Nguyễn Thị Thanh Bình</p> <p>2. Đỗ Thị Thuý</p> <p>3.Đỗ Thị Thuý</p>	<p>1.Âm nhạc CD5 – 4Tiết</p> <p>2.GDCD CD 6</p> <p>(Văn, Sử)4T + 1T KTGK = 5 T</p> <p>3.Văn (GDCD)-</p>	<p>1.Phạm Thu Hương</p> <p>2.Nguyễn Thị Thảo</p> <p>3.Nguyễn Thị Thảo</p> <p>4.Nguyễn Thị Oanh</p>	<p>1. Sử CD 3 - 4 Tiết</p> <p>2.Văn – CD (GDCD, Sử) 4Tiết</p> <p>3.Văn CD 6- 4Tiết+ 1T KTGK = 5 T</p> <p>4.Địa CD8– 4Tiết+1T</p>	<p>1.Nguyễn Thị Hằng</p> <p>2.Phạm Thị T.Lan</p> <p>3.Phạm Thị T.Lan</p> <p>4</p> <p>4. Nguyễn Thị Thanh Bình</p>	<p>1. Âm Nhạc – CD4 – 9 Tiết</p> <p>2. GDCD- CD6 (8 tiết + 1 tiết KTĐGCK</p>	<p>1. Phạm Thu Hương</p> <p>2. Đỗ Việt Anh</p>

				CĐ7 – 4Tiết 4.Địa CĐ8 – 4Tiết + 1T KTCK = 5T		KTCK = 5T			
Giáo viên chủ trì Nhập điểm, ký số điểm, học bạ	Cả năm	Khối 6	Nguyễn Thị Thanh Bình	Khối 7	Nguyễn Thị Thảo	Khối 8	Phạm Thị Tuyệt Lan	Khối 9	Lê Thị Yên

7. Tiến trình thực hiện môn Lịch sử và Địa lý lớp 6,7,8,9 trong năm học.

Stt	Khối lớp	Phần Lịch sử	Người dạy	Phần Địa Lý	Người dạy	Giáo viên chủ trì Nhập điểm, ký số điểm, học bạ
1	6HKI	Khối 6	Hằng	6A1 6A2 6A3,4	Hải Bình Oanh	Hằng 6A1,2 Oanh 6A4,5

	6HKII	Khối 6	Hằng	6A1 6A2 6A3,4	Hải Bình Oanh	
2	7HKI	Khối 7	Yên	Khối 7	Oanh	Yên 7A1,2,3
	7HKII	Khối 7	Yên	Khối 7	Oanh	Oanh 7A4,5
3	8HKI	Khối 8	Hằng	8A1,2 8A3,4	Bình Tâm	Bình 8A1,2 Hằng 8A3,4
	8HKII	Khối 8	Hằng	Khối 8	Thúy	
4	9HKI	Khối 9	Hằng	Khối 9	Thúy	Thúy 9A1,2
	9HKII	Khối 9	Hằng	Khối 9	Thúy	Hằng 9A3,4

8. Tiến trình thực hiện môn Nghệ thuật lớp 6,7,8,9 trong năm học.

Stt	Khối lớp	Phần Âm Nhạc	Người dạy	Phần Mĩ Thuật	Người dạy	Giáo viên chủ trì Nhập điểm, ký sổ điểm, học bạ
1	6 HKI	Khối 6	P.Hương	Khối 6	Tâm	Tâm 6A1,2
	6 HKII	Khối 6	P.Hương	Khối 6	Tâm	P.Hương 6A3,4
2	7 HKI	Khối 7	P.Hương	Khối 7	Tâm	P.Hương 7A1,2,3

	7 HKII	Khối 7	P.Hương	Khối 7	Tâm	Tâm 7A4,5
3	8 HKI	Khối 8	P.Hương	Khối 8	Tâm	8A1,2 Tâm
	8 HKII	Khối 8	P.Hương	Khối 8	Tâm	8A3,4 P.Hương
4	9 HKI	Khối 9	P.Hương	Khối 9	Tâm	9A1,2 Tâm
	9 HKII	Khối 9	P.Hương	Khối 9	Tâm	9A3,4 P.Hương

VIII. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG SƯ PHẠM NHÀ TRƯỜNG.

1. Hiệu trưởng

- Điều hành chung, chịu trách nhiệm quyết định mọi mặt về tổ chức và hoạt động của nhà trường;
- Thành lập các Hội đồng, các tổ chuyên môn, các bộ phận. Xây dựng quy chế hoạt động nhà trường;
- Chịu trách nhiệm trước Huyện ủy, HĐND, UBND huyện; Phòng GDĐT, Sở GDĐT Hải Phòng, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về mọi hoạt động của nhà trường.
- Lập kế hoạch năm học, kế hoạch tháng, tuần. Điều hành các hoạt động giáo dục trong nhà trường;
- Chỉ đạo các hoạt động giáo dục của nhà trường theo chỉ đạo nhiệm vụ năm học của các cấp quản lý;
- Quản lý chế độ sinh hoạt, hội họp của giáo viên, nhân viên và học sinh;
- Chỉ đạo hoạt động giữ gìn an ninh trật tự và khối đoàn kết nội bộ trong nhà trường.
- Chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua xây dựng **“Trường học hạnh phúc”**.
- Chịu trách nhiệm phát ngôn của trường; tiếp dân, tiếp khách; công tác đối ngoại của nhà trường và công tác phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài nhà trường.
- Trực tiếp chỉ đạo công tác Đảng trong Chi bộ nhà trường.
- Kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của Phòng GDĐT, của lãnh đạo Huyện ủy, UBND huyện, địa phương ...về các vấn đề quan trọng của nhà trường.

- Quản lý giáo viên, nhân viên trong các hoạt động giáo dục và những hoạt động khác có liên quan.
- Phân công nhiệm vụ cho Phó Hiệu trưởng, bỏ nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó, phân công giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn...

- Quản lý và tổ chức giáo dục toàn diện học sinh
- Các phong trào thi đua do các cấp, các ngành phát động.
- Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng giáo dục.
- Công tác tài chính, tài sản nhà trường; trang thiết bị dạy học;
- Hạ tầng công nghệ thông tin trong nhà trường
- Chỉ đạo vận hành, quản lý thông tin trên Cổng thông tin điện tử (Website) nhà trường;
- **Đặc biệt, chịu trách nhiệm về công khai, giải trình, đối thoại và thực hiện công tác tiếp và giải quyết các nhu cầu hợp pháp của công dân, phụ huynh và học sinh liên quan đến trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết của Hiệu trưởng.**

2. Phó hiệu trưởng: Đồng chí Trần Thị Duyên, giúp Hiệu trưởng các công việc sau:

- Tham mưu cho Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện đúng các qui chế, chỉ thị, qui định và các văn bản về hoạt động chuyên môn của các cấp; chỉ đạo triển khai bồi dưỡng thường xuyên giáo viên. Xây dựng kế hoạch hoạt động về công tác chuyên môn. Chủ trì việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế chuyên môn trong nhà trường; Ký duyệt kế hoạch dạy học, kế hoạch ôn luyện đội tuyển học sinh giỏi; thủ tục thanh toán liên quan đến hoạt động dạy học (chăm công); Công tác thao giảng, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra toàn diện; Công tác khảo thí (*Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện ra đề, kiểm tra, coi, chấm kiểm tra, khảo sát chất lượng...*)

- Tham mưu cho Hiệu trưởng về chương trình và phân công giảng dạy của giáo viên. Duyệt các kế hoạch công tác của tổ chuyên môn. Kiểm tra công tác sinh hoạt chuyên đề của tổ chuyên môn; tham mưu cho Hiệu trưởng về việc thành lập các đội tuyển học sinh giỏi;

- Tham mưu với Hiệu trưởng về phân phối chương trình, sắp xếp thời khóa biểu, quản lý điểm kiểm tra đánh giá học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành và sổ gọi tên ghi điểm; quản lý dữ liệu hồ sơ xét tốt nghiệp;

- Quản lý các loại hồ sơ nhà trường; hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên; hồ sơ học sinh; Kiểm tra, nhận xét, phê duyệt các loại hồ sơ thuộc lĩnh vực chuyên môn (*Sổ đầu bài, kế hoạch của tổ chuyên môn, kế hoạch giảng dạy của giáo viên*);
- Quản lý hoạt động thư viện, phong trào Văn hóa đọc của học sinh;
- Quản lý dạy học thực hành, thí nghiệm; xây dựng kế hoạch rà soát, kiểm tra tình hình bảo quản, sử dụng CSVC;
- Chỉ đạo công tác phổ biến giáo dục biển đảo, giáo dục pháp luật; công tác tuyên truyền trong nhà trường; phong trào đọc sách trong cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh;
- Chỉ đạo giáo viên và học sinh trực nề nếp cờ đỏ; giám sát tình hình thực hiện nề nếp của học sinh;
- Chỉ đạo tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học, tham mưu về việc chọn cử giáo viên tham gia các lớp tập huấn, chuyên đề theo hướng dẫn của Sở, Phòng GDĐT;
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện dạy học Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp lớp 6,7,8,9 bám sát mục tiêu Chương trình GDPT 2018;
- Công tác bồi dưỡng thường xuyên, công tác nghiên cứu khoa học và viết sáng kiến của giáo viên, ghi biên bản các cuộc họp BGH;
- Công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Công tác giáo dục hướng nghiệp, khởi nghiệp, tư vấn phân luồng học sinh sau THCS;
- Công tác phổ cập giáo dục trung học; thi tuyển sinh vào lớp 10;
- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho học sinh, công tác giáo viên chủ nhiệm, quản lý nề nếp học sinh, công tác thi đua các lớp;
- Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao;
- Các phong trào thi đua do các cấp, các ngành phát động;
- Công tác Y tế trường học;
- Phụ trách công tác ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy và học của giáo viên và phong trào học tập của học sinh; cùng với Hiệu trưởng điều hành và kiểm tra, cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử nhà trường;

- Phụ trách công tác Hướng nghiệp, công tác tư vấn học đường;
- Phụ trách các CLB môn học; các CLB sở thích; CLB STEM, NCKHKT và tổ chức các cuộc thi NCKHKT, STEM; Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao;
- Phụ trách CLB Văn hóa đọc, xây dựng trường học hạnh phúc, học sinh tích cực;
- Phụ trách công tác theo dõi ngày, giờ công, theo dõi thi đua và đánh giá giáo viên;
- Công tác phối hợp đảm bảo an ninh, an toàn trường học, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường, phòng chống Ma túy - HIV/AIDS. Công tác giáo dục quốc phòng và an ninh, phòng chống bão lụt, phòng chống cháy nổ và dân quân tự vệ trong nhà trường. Công tác lao động, vệ sinh trường học;
- Các cuộc vận động, phong trào thi đua: Xây dựng trường học sáng, xanh, sạch, đẹp. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu ngành, trường học kết nối.
- Thường trực công tác thi đua khen thưởng, chuẩn bị hồ sơ cho việc đánh giá xếp loại, đánh giá chuẩn giáo viên, phân loại viên chức, xét các danh hiệu thi đua cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm;
- Thay mặt Hiệu trưởng điều hành các hoạt động, giúp Hiệu trưởng giải quyết những công việc, ký duyệt các hoạt động của cán bộ, giáo viên và các văn bản gửi cấp trên thuộc lĩnh vực phụ trách khi được Hiệu trưởng uỷ quyền, hoặc khi Hiệu trưởng đi vắng.

- Thực hiện công tác tiếp công dân theo phân công của Hiệu trưởng.

3. Tổ trưởng chuyên môn: Đ/c Đồng Thị Hạnh (Tổ KHTN); Nguyễn Thị Hương (Tổ KHXH)

- Giúp Ban Giám hiệu triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ, nhóm do mình phụ trách.
- Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ, nhóm, xây dựng các chủ đề dạy học. Tổ chức các hoạt động chuyên đề, tiết dạy thử nghiệm, dạy chuyên đề... trong tổ, nhóm chuyên môn. Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để từng bước hoàn thiện kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với từng đối tượng học sinh.

- Tham gia kiểm tra chuyên môn, kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên theo yêu cầu của BGH.
- Tổ chức các hoạt động tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi; học sinh yếu kém.
- Triển khai các hoạt động chung của nhà trường tới các thành viên của tổ, nhóm chuyên môn. Tổ chức tham gia các

phong trào thi đua, viết sáng kiến NCKH.

- Tham dự các cuộc họp quan trọng của trường. Tham gia, đóng góp ý kiến vào những chủ trương lớn của nhà trường.
- Tham mưu với Ban Giám hiệu để phân công chuyên môn, đánh giá chuyên môn của các thành viên trong tổ, nhóm.
- Dự giờ, thăm lớp của các thành viên trong tổ, nhóm thuộc chuyên môn theo hướng NCBH, tối thiểu 02 chủ đề/học kì/

Chỉ đạo nhóm trưởng chuyên môn dự giờ, thăm lớp của các thành viên trong nhóm, tối thiểu 01 tiết/học kì.

- Chịu trách nhiệm trước BGH về các hoạt động chuyên môn, chất lượng giảng dạy của tổ, nhóm do mình phụ trách.

4. Đối với Chi đoàn thanh niên, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh.

- Có kế hoạch hoạt động cụ thể cho năm học, học kỳ, tháng, tuần (*nhất là đối với Liên đội*)

- Cùng với BGH, xây dựng và triển khai HĐ GDNGLL, HĐ TN-HN, xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động Đội và phong trào thanh thiếu niên và các hoạt động ngoại khoá khác gắn với việc giáo dục đạo đức, lối sống, KNS cho học sinh.

- Kết hợp cùng các tổ chức đoàn thể khác trong nhà trường trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn trường học, tuyên truyền giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên học sinh.

- Tích cực động viên đoàn viên giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ...

5. Viên chức thư viện, thiết bị

- Có đầy đủ hồ sơ theo công việc chuyên môn đảm nhiệm và trình BGH phụ trách ký theo quy định.

- Thực hiện đúng quy định của nhà trường về chuyên môn, đảm bảo ngày công, giờ công, đến trường đúng theo giờ quy định, hoàn thành công việc theo chức trách được giao.

- Sắp xếp thiết bị ngăn nắp, có trách nhiệm bảo quản TBDH, nhất là những thiết bị thực thành, thí nghiệm, đảm bảo an toàn khi sử dụng thiết bị.

- Có lịch làm việc hợp lý, khi đi công tác phải báo cáo lãnh đạo trực.

- Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả công việc được giao.

6. Giáo viên

- Thực hiện giảng dạy đúng kế hoạch và chương trình giáo dục
- Có đầy đủ hồ sơ chuyên môn theo quy định
- Tích cực tham gia dự giờ đồng nghiệp. Dự đầy đủ các tiết chuyên đề, tiết dạy tốt, tiết dạy hội thi GVG các cấp theo phân công.
 - Có trách nhiệm quản lý toàn bộ hoạt động của lớp, học sinh trong tiết dạy, chịu trách nhiệm trước Ban Giám hiệu nếu để xảy ra tình trạng lộn xộn, mất trật tự, mất vệ sinh, khung cảnh sư phạm không đạt yêu cầu trong tiết dạy.
 - Có trách nhiệm thông báo kịp thời với Ban Giám hiệu khi có sự cố hoặc những hiện tượng bất thường trong tiết dạy. Không tùy tiện cho học sinh nghỉ, không ra sớm, vào muộn.
 - Có trách nhiệm thông báo thường xuyên về tình hình bộ môn cho giáo viên chủ nhiệm và tổ nhóm chuyên môn, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh trong việc giáo dục đạo đức và tổ chức học tập của học sinh. Không tổ chức lớp dạy thêm cho học sinh khi chưa được sự đồng ý của Hiệu trưởng.
 - Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng sư phạm, sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn. Tuân thủ sự điều hành của tổ, nhóm trong các hoạt động chuyên môn.
 - Tham gia tích cực vào các phong trào thi đua của trường và của Ngành. Thường xuyên tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên của Bộ, Sở; viết và hoàn thành sáng kiến đúng kì hạn.
 - Có trách nhiệm tham gia phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi, hướng dẫn học sinh làm đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật khi được BGH phân công.
 - Có trách nhiệm phát hiện học sinh có năng khiếu ở bộ môn mình để tuyển chọn bồi dưỡng, tham gia đội tuyển của trường.

- Mọi trường hợp nghỉ cần gửi đơn xin phép Ban Giám hiệu trước 01 ngày và báo cáo với tổ trưởng. Trường hợp đột xuất phải báo cáo ngay khi có thể được.

- Nghỉ dạy vì việc riêng phải tự nhờ giáo viên đồng phân môn của mình dạy thay hoặc đổi giờ và phải báo cáo với Ban Giám hiệu. Việc nhờ giáo viên dạy thay chỉ được thực hiện khi đã được sự đồng ý của Ban Giám hiệu. Giáo viên nghỉ dạy vì việc riêng không có người dạy thay sẽ phải bố trí thời gian dạy bù. Trước khi dạy bù phải báo cho tổ trưởng biết. Tiết dạy thay sẽ không được tính tiền.

7. Giáo viên chủ nhiệm lớp.

- Thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn tại Công văn số **2292/SGDĐT-GDTrH ngày 25/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn công tác chủ nhiệm trong nhà trường, áp dụng từ năm học 2023 - 2024.**

- Cập nhật chính xác, kịp thời, đầy đủ thông tin về học sinh lớp chủ nhiệm trên cơ sở dữ liệu ngành.

- Ghi sổ chủ nhiệm, học bạ, sổ điểm điện tử đầy đủ, chi tiết theo quy định.

- Tổ chức điều hành các hoạt động của lớp; đánh giá, xếp loại; khen thưởng, kỷ luật học sinh đúng quy định; kịp thời xử lý các vi phạm của học sinh, báo cáo về BGH.

- Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về công tác quản lý lớp chủ nhiệm.

8. Giáo viên tham gia hoạt động kiêm nhiệm

Thực hiện nghiêm túc các quy định về hoạt động kiêm nhiệm do Hiệu trưởng nhà trường trung dụng theo yêu cầu và nhiệm vụ của nhà trường: Trục ban, tham gia công tác văn phòng, khảo thí, tổng hợp kết quả thực hiện nề nếp của giáo viên và học sinh... *(có quy định riêng của từng bộ phận, giao cho các đồng chí Phó hiệu trưởng các mảng trực tiếp triển khai và theo dõi).*

9. Công tác phối hợp với các bên liên quan của Ban giám hiệu

9.1. Phối hợp với các cơ quan ban ngành trên địa bàn làm tốt công tác giáo dục. Cụ thể:

+ Phối hợp với Công an xã Dương Quan và công an huyện tuyên truyền giáo dục pháp luật cho học sinh, đảm bảo an ninh an toàn trường học.

+ Phối hợp cùng địa phương, huyện đoàn Thủy Nguyên tổ chức và thực hiện tốt các phong trào thanh niên trường học, tổ chức các chuyên đề, phong trào Đèn ơn đáp nghĩa, hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện, khuyến tài khuyến học...

- Phối hợp cùng các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền để nhân dân hiểu rõ về những điểm mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, từ đó đồng hành cùng nhà trường thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ năm học.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường nói riêng và phụ huynh học sinh toàn trường nói chung giáo dục học sinh, đặc biệt đối với những học sinh gặp khó khăn về rèn luyện, học tập hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

9.2. Công tác kiểm tra, giám sát.

- Kiểm tra đột xuất: BGH kết hợp cùng tổ chuyên môn tổ chức kiểm tra đột xuất giáo viên trong tổ (*mỗi tháng từ 1-2 đồng chí*), với nội dung:

+ Dự giờ tiết dạy không báo trước.

+ Kiểm tra kế hoạch bài dạy, tiết dạy.

- Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra của tổ cụ thể, chi tiết và thường xuyên.

- Kiểm tra chuyên đề: Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, kiểm tra chuyên đề các hoạt động chuyên môn.

- 100% CBGV được kiểm tra trong năm học

- Kiểm tra hồ sơ, giờ dạy: ít nhất 02 lượt/ năm (*Theo các đợt thi đua + đột xuất*)

- Kiểm tra công tác LĐVS 01 lần/ngày, kiểm tra CSVC chung 01 lần/tháng

- Xây dựng kế hoạch dự giờ, kiểm tra hồ sơ, Kế hoạch bài dạy (tiến độ, chất lượng nộp KHBD lên phần mềm QLCM): Dự giờ 50% số tiết của tổ. Kiểm tra hồ sơ 100% hồ sơ của giáo viên.

- Thực hiện công tác đánh giá CBGVNV 01 lần/tháng, cuối năm hoàn thành việc đánh giá CBGVNV

- **Kiểm tra chất lượng:** Tổ chức tốt các đợt kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, khảo sát chất lượng ở các khối lớp (*khi cần*).

10. Chế độ thông tin, báo cáo

- Giáo viên cần cập nhật danh sách, lý lịch học sinh theo lớp trên CSDL ngành vào đầu năm học.

- Cập nhật kịp thời các hoạt động, thông tin của nhà trường trên Cổng thông tin điện tử, tại địa chỉ **thcsduongquan.haiphong.edu.vn**.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì, đột xuất.

- Thông tin hai chiều kịp thời, báo cáo các mặt hoạt động của các cá nhân, bộ phận mình chính xác, đúng thời gian quy định về lãnh đạo nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng yêu cầu các tổ chức, cá nhân chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động cụ thể để triển khai các nội dung kế hoạch đã đề ra. Quá trình triển khai nếu có vướng mắc cần báo cáo về Ban giám hiệu để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo (*để b.cáo*);
- TT Đảng ủy, UBND xã Dương Quan;
- BGH, HĐSP, Ban ĐDCMHS (*để chỉ đạo, phối hợp thực hiện*);
- Cổng TTĐT nhà trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Phạm Hồng Hải

